177.
D 311T

G. I. DIN-TREN-CÔ

PHÊ PHÁN

CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

107.25+33(09)
D-311 Tr.

G. I. DIN-TREN-CÔ

PHÊ PHÁN
CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC

77CT1286

602 1A
THƯ VIỆN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 1
17947

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1961

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ nghĩa xét lại là nguy cơ chủ yếu trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại là một đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân phát triển và củng cố hơn nữa về mặt tư tưởng và tổ chức. Đó cũng chính là nhiệm vụ bức thiết của tất cả các đảng Mác—Lê-nin trong giai đoạn hiện nay.

Xuất bản cuốn sách của đồng chí Din-tren-cô «Phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại trong lĩnh vực chính trị kinh tế học» (bản tiếng Nga, do Nhà xuất bản kinh tế — xã hội Liên-xô xuất bản tại Mát-scơ-va năm 1959), chúng tôi nhằm giúp bạn đọc thấy rõ nguồn gốc kinh tế và xã hội của chủ nghĩa xét lại, những luận điểm chủ yếu của bọn xét lại trong lĩnh vực kinh tế, cũng như cuộc đấu tranh của các đảng cộng sản và công nhân nhằm bảo vệ lý luận kinh tế của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Chúng tôi nghĩ rằng sau khi thấy rõ bộ mặt thật của bọn xét lại trong lĩnh vực kinh tế, chúng ta càng thêm tin tưởng vào những nguyên lý xây dựng kinh tế của chủ nghĩa Mác—Lê-nin mà Đảng ta tuyệt đối trung thành và đang áp dụng thắng lợi vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Tháng 8 năm 1961

SỰ THẬT

I. NGUỒN GỐC KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA CHỦ NGHĨA XÉT LẠI VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN LÀM CHO NÓ TÍCH CỰC HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Đã từ lâu mọi người đều biết rằng, kẻ thù nguy hiểm nhất không phải là kẻ đấu tranh công khai trực diện, mà là kẻ ngoài miệng tỏ ra thân thiện nhưng thực tế thì tấn công từ bên sườn. Điều đó thích hợp với bọn xét lại hiện đại là kẻ thù giấu mặt, và vì vậy, là kẻ thù hung ác nhất của giai cấp công nhân. Mỗi một khi gặp cơ hội thuận tiện, bọn xét lại bèn ra sức nhấn mạnh lòng « trung thành » của chúng đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Hơn nữa, bọn chúng còn kết tội một số người trong các đảng cộng sản và công nhân, thậm chí kết tội cả các đảng về bệnh giáo điều, xa rời chủ nghĩa Mác. Nhưng nếu phân tích lý luận và thực tiễn của bọn xét lại thì sẽ vạch rõ được bộ mặt thật của bọn chúng. Nhận xét sau đây của Lê-nin về chủ nghĩa xét lại « cũ » là hoàn toàn thích hợp với chủ nghĩa xét lại hiện đại: « Trên thực tế thì hoàn toàn xa rời chủ nghĩa duy vật biện chứng, tức chủ nghĩa Mác. Trên lời nói thì đầy dẫy những thủ đoạn quanh co, mưu đồ bỏ qua thực chất của vấn đề, che đậy sự thoái lui của mình... » [1].

---

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 14, tr. 8.

Trong bản Tuyên bố của hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mát-scơ-va từ 14 đến 16 tháng 11 năm 1957, đã xác định dứt khoát thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Trong văn kiện lịch sử đó đã nhận xét chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, là sự «biểu hiện của hệ tư tưởng tư sản, nó làm tê liệt nghị lực cách mạng của giai cấp công nhân, nó yêu cầu duy trì hay phục hồi chủ nghĩa tư bản».

Chủ nghĩa Mác là hệ tư tưởng của giai cấp cách mạng nhất trên thế giới — giai cấp vô sản. Nó ra đời và lớn lên trong cuộc đấu tranh với các trào lưu thù địch. Những kẻ đại biểu cho các trào lưu đó mưu đồ dùng mọi cách để đánh đổ chủ nghĩa Mác. Nhưng, vì phản ánh những nhu cầu đã chín muồi của sự phát triển xã hội, chủ nghĩa Mác đã mở được đường đi tới với một sức mạnh không gì cản nổi. Những kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác đã bị phá sản. Thắng lợi của chủ nghĩa Mác dẫn đến kết quả là những kẻ thù địch với chủ nghĩa Mác phải ngụy trang, làm ra bộ dạng người mác-xít. Ngoài miệng bọn chúng tự nhận mình là người mác-xít, nhưng trên thực tế thì trung thành phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản.

Không thể chống lại ảnh hưởng ngày càng to lớn của hệ tư tưởng mác-xít đối với trí tuệ của hàng triệu người, giai cấp tư sản buộc phải dùng đến những mưu mẹo xảo quyệt. Bọn chúng ra sức phái những tên gián điệp của chúng—bọn theo chủ nghĩa xét lại—vào trong hàng ngũ giai cấp công nhân.

Mọi người đều biết rõ câu chuyện cổ tích về con ngựa thành Tơ-roa. Không thể dùng bao vây và xung phong để chiếm thành Tơ-roa, quân địch bèn «tặng» cho nhân dân thành Tơ-roa những con ngựa gỗ, trong đó

có giấu người của mình để những người này đến đêm sẽ mở cửa thành. Giống như kẻ thù của thành Tơ-roa, bọn xét lại hoạt động bằng những phương pháp nham hiểm nhất. Mục đích chủ yếu của chúng là làm thoái hóa các đảng cách mạng từ bên trong, phá hoại sự thống nhất của các đảng ấy, tước bỏ bản chất cách mạng của hệ tư tưởng Mác — Lê-nin.

Chủ nghĩa xét lại là hầm trú ẩn về tư tưởng và lý luận của hệ tư tưởng tư sản và cải lương công khai, nó ra đời vào cuối thế kỷ XIX. Thủy tổ của nó là E-đu-a Béc-stanh — lãnh tụ phái hữu của Đảng xã hội — dân chủ Đức. Những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa của Béc-stanh đã bắt đầu xuất hiện ngay từ khi Mác — Ăng-ghen còn sống. Sau khi Ăng-ghen mất, chẳng bao lâu Béc-stanh nấp dưới chiêu bài «cải tiến» và «bổ sung» một phần nào chủ nghĩa Mác, đã công khai xét lại chủ nghĩa Mác. Nhưng đằng sau những sự «sửa chữa» đó, ẩn giấu một mưu đồ hòng tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, biến chủ nghĩa Mác thành một «pho tượng thánh» thiêng liêng, không có hại gì cho giai cấp tư sản [1].

Sự ra đời của chủ nghĩa xét lại không phải là một điều ngẫu nhiên. Cơ sở của nó là những nguyên nhân khách quan mà Lê-nin đã vạch ra một cách hoàn toàn đầy đủ. Trước hết, Lê-nin vạch rõ nguồn gốc xã hội và giai cấp của chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân các nước tư bản. Trong mỗi một nước tư bản, ngoài giai cấp vô sản ra, còn có những tầng lớp tiểu tư sản vô cùng đông đảo. Trong điều kiện của thực tiễn tư bản chủ nghĩa, những chủ xí nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa không cạnh tranh nổi với những chủ xí

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 21, tr.198.

nghiệp hạng lớn, đành chịu phá sản và rơi xuống hàng ngũ giai cấp công nhân. Ngoài ra, một số trí thức, trong chế độ tư bản chủ nghĩa không có khả năng thực hiện những sự hiểu biết và năng lực của mình, cũng bị cuốn vào đội quân vô sản. Những người tiểu tư sản bị phá sản đó cũng như những phần tử trí thức tư sản, mang thế giới quan tiểu tư sản vào trong giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Về vấn đề đó, Lê-nin viết: «Hoàn toàn tự nhiên rằng thế giới quan tiểu tư sản ngày càng xâm nhập vào trong hàng ngũ các chính đảng công nhân đông đảo»[1].

Ai cũng biết rằng, bất cứ một hiện tượng xã hội nào cũng đều trực tiếp, hay suy cho cùng, quyết định bởi các nhân tố kinh tế. Sự tồn tại của chủ nghĩa xét lại cũng là kết quả của những điều kiện kinh tế nhất định — điều kiện của thời đại đế quốc chủ nghĩa. Việc giai cấp tư sản dùng một phần lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc tầng lớp trên trong giai cấp công nhân, là cơ sở kinh tế làm cho chủ nghĩa xét lại sinh ra và phát triển trong các nước tư bản. «Từ số lợi nhuận siêu ngạch đó, bọn tư bản *có thể* trích ra một phần (thậm chí một phần không nhỏ!) để mua chuộc những người công nhân *của mình*, tạo nên một cái na ná như sự liên minh... giữa công nhân của dân tộc đó với các nhà tư bản để *chống lại* các nước khác».[2]

Cần phải thấy rằng cái gọi là «công nhân quý tộc» — tầng lớp trên của giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản mua chuộc — lần đầu tiên xuất hiện ở Anh, ngay trong thời đại chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn. Những đặc điểm lịch sử của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

---

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 15, tr.25.
2. *Sách đã dẫn* t. 23, tr.103.

Anh, trước hết biểu hiện ở chỗ: Anh có rất nhiều thuộc địa, giai cấp tư sản Anh đã thu được lợi nhuận lũng đoạn từ lâu (do có địa vị lũng đoạn trên thị trường thế giới), đó là nguyên nhân làm nảy nở công nhân quý tộc ở Anh. Trong bức thư gửi cho Mác ngày 7-11-1858, Ăng-ghen viết: «... Giai cấp vô sản Anh, về thực tế, ngày càng tư sản hóa hơn, bởi vì hình như bản thân giai cấp tư sản đó—hơn ai hết—cuối cùng muốn có một tầng lớp quý tộc tư sản và một giai cấp vô sản tư sản *bên cạnh* giai cấp tư sản. Cố nhiên, đứng về phía dân tộc đi bóc lột toàn thế giới mà nói, thì điều đó — trên một chừng mực nhất định — là hợp lý»[1].

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, trong bất cứ nước tư bản phát triển nào cũng đều có cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Tập đoàn tư bản tài chính đầu sỏ, trong khi bóc lột giai cấp công nhân nước mình và quần chúng lao động các nước phụ thuộc, đều dành ra một phần nhỏ lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc một bộ phận nào đó trong giai cấp vô sản. Những tầng lớp trên đó của giai cấp công nhân, hay như Ăng-ghen nói: «các đảng công nhân tư sản», là kẻ truyền bá hệ tư tưởng tư sản vào trong giai cấp công nhân. Tầng lớp người đó, xuất thân từ những nhân vật xã hội-dân chủ hoạt động trong nghị viện, công đoàn, v.v., làm lợi cho giai cấp tư sản. Bọn chúng đầu độc ý thức công nhân bằng những lời tuyên truyền giả dối về hòa bình giai cấp.

Kể từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác đã gặp phải sự tấn công vô cùng ác liệt của những người «phê phán» đủ các loại. Nhưng chưa bao giờ sự tấn công của kẻ thù vào chủ nghĩa Mác lại mạnh mẽ như bây giờ.

---

1. Mác và Ăng-ghen: *Thư chọn lọc*, tiếng Nga, 1953, tr.105.

Trong những năm vừa qua, những phần tử xét lại đã mưu đồ ngóc đầu dậy trong nhiều đảng cộng sản và công nhân anh em. Những sự tấn công đó của bọn xét lại có tính chất nghiêm trọng.

Vậy thì những nguyên nhân chủ yếu nào làm cho bọn xét lại tích cực hoạt động trong thời đại hiện nay?

Có nhiều nguyên nhân làm sống lại chủ nghĩa xét lại hiện đại. Trước hết, đó là hậu quả trực tiếp của những đặc điểm phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ sau chiến tranh, đồng thời đó cũng là kết quả của những thay đổi về sự sắp xếp lực lượng giai cấp trên vũ đài quốc tế. Vấn đề là như sau: trong mấy năm sau chiến tranh, trong các nước tư bản phát triển, tình hình kinh tế có tiến triển. Đó là do những nhân tố tạm thời như: đổi mới tư bản cố định, quân sự hóa kinh tế, chạy đua vũ trang (được đặc biệt tăng cường sau khi bắt đầu cuộc chiến tranh ở Triều-tiên), mở rộng sự bành trướng về kinh tế, v. v. Trong điều kiện nền kinh tế có sự phát triển nhất định, giai cấp công nhân một số nước được tăng lương phần nào. Trong những năm chiến tranh, tiền lương thực tế của giai cấp công nhân bị giảm sút nghiêm trọng, nay dần dần đi sát gần tới mức trước chiến tranh.

Đời sống thực tế đã chứng tỏ rằng: sự «phồn vinh» sau chiến tranh trong các nước tư bản, chủ yếu dựa vào chạy đua vũ trang và các nhân tố tạm thời khác, không phải là một hiện tượng lâu dài. Nhưng trong điều kiện công nghiệp phát triển, một bộ phận công nhân nào đó của các nước tư bản chủ yếu, có công ăn việc làm tương đối ổn định, cho nên sinh ra ảo tưởng về khả năng cải thiện hoàn cảnh kinh tế của công nhân trong điều kiện chủ nghĩa tư bản mà không cần có đấu tranh chính trị, sinh ra hy vọng rằng sẽ không còn khủng hoảng

kinh tế nữa, nạn thất nghiệp đông đảo đã lùi về quá khứ. Cố nhiên những tâm trạng đó là miếng đất rất tốt cho chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân.

Một số thay đổi trong thành phần giai cấp công nhân và chính đảng của nó, cũng có tác dụng không kém phần quan trọng đối với việc tăng cường khuynh hướng xét lại. Ai cũng biết rằng trong những năm sau chiến tranh, hàng ngũ của giai cấp công nhân được bổ sung rất nhiều do có những người xuất thân từ các tầng lớp tiểu tư sản, nhất là do có những nông dân, thương nhân, thủ công v.v. bị phá sản. Người nông dân và thương nhân hôm qua, sau khi trở thành công nhân, cố nhiên trong một thời gian — về mặt quan điểm — vẫn là người tiểu tư sản.

Những sự thay đổi trong thành phần của giai cấp công nhân không thể không đụng chạm đến cả các đảng cộng sản và công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa. Có một số phần tử không kiên định cũng tham gia vào hàng ngũ đảng; khi gặp những khó khăn đầu tiên, họ đã nghiêng ngả và bắt đầu la ó về «sự khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản». Điều đó biểu hiện đặc biệt rõ ràng trong thời kỳ xảy ra sự kiện Hung-ga-ri năm 1956 Không phân tích được bản chất thực tế của sự kiện đó, một số đảng viên «cộng sản» trí thức bèn tuyên bố xin ra đảng cộng sản. Một số người trong bọn họ chuyển sang con đường trực tiếp phản bội, công khai gia nhập vào mặt trận đế quốc chủ nghĩa.

Khi nói đến nguồn gốc của chủ nghĩa xét lại hiện đại, không thể không chú ý đến một tình hình sau đây. Hệ tư tưởng Mác — Lê-nin ngày càng chiếm được trí tuệ của nhiều người trên khắp thế giới. Đồng thời, giai cấp tư sản — chính bọn tư tưởng gia của nó đã thừa

nhận — « thiếu những tư tưởng lớn ». Nói một cách khác, nó không thể đề ra những tư tưởng có thể lôi kéo quần chúng lao động đứng về phía nó. Trong những điều kiện như vậy, giai cấp tư sản muốn lợi dụng mọi thủ đoạn để ngăn cản sự tiến triển thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Với mục đích đó, chúng phái vào trong hàng ngũ giai cấp công nhân đủ các loại tay sai để thi hành « đơn đặt hàng » xã hội của chúng. Bọn tay sai của giai cấp tư sản, đôi khi chui được vào trong các chính đảng mác-xít, ra sức đội lốt « cải tiến » và « phát triển » chủ nghĩa Mác để xóa bỏ nội dung cách mạng của nó và làm cho nó thích hợp với nhu cầu của giai cấp tư sản.

Đó là những nguyên nhân chủ yếu (hoàn toàn chưa đầy đủ) làm cho chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh tích cực hoạt động trong các đảng cộng sản và công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Như mọi người đều biết, trong các nước xã hội chủ nghĩa đã thủ tiêu chế độ người bóc lột người, sức lao động của con người không còn là hàng hóa nữa và đã xóa bỏ khả năng dùng lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc một bộ phận công nhân nào đó. Vì vậy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa không còn có những nguyên nhân khách quan để làm sản sinh ra chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân các nước tư sản. Đồng thời, trong các đảng cộng sản và công nhân các nước đương xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại có những nguồn gốc bên trong và bên ngoài của chủ nghĩa xét lại. Những nguồn gốc đó là gì? Tính chất của nó như thế nào?

Ai cũng biết rằng, sau thắng lợi của cách mạng vô sản là bắt đầu một thời đại lịch sử xây dựng nền tảng của kinh tế xã hội chủ nghĩa, cải tạo căn bản tất cả

các quan hệ xã hội. Thời đại đó gọi là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế của thời kỳ quá độ là một nền kinh tế gồm nhiều thành phần. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh thành phần xã hội chủ nghĩa giữ địa vị thống trị trong kinh tế, còn có những hình thức kinh tế khác do quá khứ để lại, xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

Những nước bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông thường có trình độ kinh tế khác nhau, có những đặc điểm này hay đặc điểm nọ,v.v. Do đó, trong một nước nào đó có thể có những thành phần kinh tế mà nước khác không có. Nhưng, như Lê-nin đã vạch ra và kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, trong mỗi nước ở thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đều có các thành phần cơ bản sau đây: chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa nhỏ và chủ nghĩa tư bản tư doanh. Đằng sau những thành phần kinh tế đó có các giai cấp: công nhân, nông dân và tư sản.

Trong thời kỳ quá độ, giai cấp công nhân và nông dân là những giai cấp cơ bản. Nhưng ảnh hưởng của giai cấp tư sản trong xã hội đương còn lớn: nó có các nguồn tiền của và vật tư, trận địa quốc tế của nó còn mạnh. Ngoài ra, giai cấp tư hữu nhỏ và một bộ phận trí thức trước đây phục vụ cho chủ nghĩa tư bản, nay còn ủng hộ hệ tư tưởng tư sản. Trong xã hội mới còn có những tàn dư của thế giới cũ ; trong ý thức của con người, trong một thời gian dài, còn mang khá nặng những tàn tích của chủ nghĩa tư bản. Tất cả những điều đó gộp lại, không thể không phản ánh vào trong ý thức của một số nhóm công nhân. Thế giới quan tư sản có thể xâm nhập vào hàng ngũ công nhân bằng nhiều con đường khác nhau. Sự tồn tại của ảnh hưởng tư sản là nguồn gốc bên trong của chủ nghĩa xét lại.

Những khó khăn nảy ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện những phần tử xét lại trong một số đảng cộng sản và công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa. Những chiến sĩ kiên định đấu tranh cho sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa và những phần tử tiểu tư sản không kiên định, có nhận thức khác nhau trước những khó khăn đó. Những phần tử tiểu tư sản không kiên định, đứng trước những khó khăn đó, mất hết tin tưởng vào tiền đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội, rời bỏ những nguyên lý quan trọng nhất của lý luận Mác — Lê-nin, đòi thực hiện một chính sách đầu hàng, về thực chất, nhằm phục hồi chủ nghĩa tư bản.

Nhưng việc làm sống lại chủ nghĩa xét lại trong các nước xã hội chủ nghĩa, không phải chỉ do những nguyên nhân bên trong quyết định. Ảnh hưởng của các nước đế quốc tác động vào các nước xã hội chủ nghĩa, cũng là một nguồn gốc không kém phần quan trọng của chủ nghĩa xét lại. Để đạt mục đích ấy, bọn chúng dùng đủ mọi thủ đoạn và phương tiện về tư tưởng cũng như về kinh tế.

Trong toàn bộ lịch sử, chưa bao giờ bọn tư bản lại không có một bộ máy tuyên truyền mạnh mẽ để gieo nọc độc tư tưởng tư sản vào trong ý thức của nhân dân lao động. Hiện nay, chỉ riêng cơ quan thông tấn Mỹ (do chính phủ Mỹ chỉ huy) cũng đã có 217 « trung tâm thông tin » ở 76 nước trên thế giới. Cơ quan thông tấn đó phát hành ở nước ngoài 25 tờ báo hàng ngày và tạp chí với tổng số phát hành là mấy triệu bản. Cơ quan thông tấn này còn có một đài truyền thanh mạnh « Tiếng nói Huê-kỳ » phát thanh bằng 43 thứ tiếng qua 78 máy phát thanh. Ở Tây Đức và ở các cường quốc đế quốc khác cũng có những tổ chức chuyên môn làm nghề vu khống

các nước xã hội chủ nghĩa và gây khiêu khích. Bộ máy tuyên truyền của giai cấp tư sản tập trung sức lực chủ yếu vào việc nói xấu hệ thống xã hội chủ nghĩa, đánh lạc hướng nhân dân lao động.

Những phần tử không kiên định, chịu ảnh hưởng của tuyên truyền tư sản, đầu hàng trước áp lực của chủ nghĩa đế quốc. Đó là nguồn gốc bên ngoài của chủ nghĩa xét lại.

Chủ nghĩa dân tộc tư sản mà bọn đế quốc và tay chân của chúng tăng cường quảng cáo, cũng là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa xét lại. Lợi dụng những tình cảm dân tộc hẹp hòi và những biểu hiện của sự ác cảm dân tộc ở một số người lạc hậu, bọn đế quốc muốn gieo rắc sự thù hằn giữa nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, gây nên sự bất hòa giữa các đảng cộng sản và công nhân. Đặc biệt, khẩu hiệu « chủ nghĩa cộng sản dân tộc » do giai cấp tư sản đề ra, là nhằm phục vụ cho mục đích ấy. Bọn xét lại lấy đó làm vũ khí của mình và mưu đồ dùng nó làm căn cứ « lý luận » để giải thích những con đường « đặc biệt » trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như mọi người đều biết, chủ nghĩa xét lại hiện đại được phổ biến rộng rãi nhất ở Nam-tư, đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan quyết định.

Nam-tư là một nước mà thành phần tư hữu chiếm địa vị khá lớn trong kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Ví dụ, hiện nay chỉ có gần 2% dân cư nông thôn là tham gia các hình thức hợp tác xã sản xuất. Trong nông thôn Nam-tư đang xảy ra quá trình phân hóa nông dân cực mạnh, tầng lớp tiểu chủ ngày càng nhiều, tầng lớp phú nông ngày càng bành trướng. Trong vòng 5 năm (từ 1952 đến 1957), số nông hộ tăng thêm 370.000, cộng tất cả là 2.332.000; cũng trong thời gian đó, số

hộ phú nông tăng thêm 37.000, cộng tất cả là 317.000. Ngoài ra, ở Nam-tư còn có nhiều xưởng thủ công; căn cứ vào tính chất của nó thì đó chủ yếu là những xí nghiệp tư nhân. Tính tự phát tiểu tư sản đó có ảnh hưởng lớn đến giai cấp công nhân và Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư.

Ảnh hưởng của tư bản Mỹ và các tư bản nước ngoài đối với Nam-tư, cũng là một nguồn gốc không kém phần quan trọng làm cho chủ nghĩa xét lại hoạt động mạnh trong Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư.

Hiện nay đã xuất hiện và phát triển nhiều hình thức mua chuộc mới mà giai cấp tư sản đế quốc thường dùng. Bọn lũng đoạn ở Mỹ và ở các nước đế quốc khác, không thỏa mãn với tình hình là chỉ trong nước của chúng mới có bọn tay sai đáng tin cậy trong phong trào công nhân. Bọn chúng còn muốn tìm kiếm những phần tử không kiên định ở các nước khác nữa. Để đạt mục đích ấy, bọn đế quốc mưu đồ sử dụng cái gọi là «viện trợ kinh tế». Đặc biệt bọn chúng thích cho Nam-tư vay rất nhiều, hy vọng rằng dùng sự «viện trợ» đó làm công cụ để phá vỡ sự thống nhất của các nước xã hội chủ nghĩa.

Bọn xét lại hiện đại cũng như những người tiền bối của chúng, mưu đồ tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Bọn chúng khẳng định rằng những tài liệu về tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại không chứng thực học thuyết của Mác là đúng, cho nên bọn chúng tuyên bố rằng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã «lỗi thời». Bọn xét lại đấu tranh chống tất cả các bộ phận cấu thành của lý luận mác-xít: triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, trước hết biểu hiện ở chỗ lý tưởng hóa chủ nghĩa tư bản, ca tụng chủ nghĩa tư bản. Bọn xét lại che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản hiện đại và gán cho nó những tên rất kêu như «chủ nghĩa tư bản nhân dân», «chủ nghĩa tư bản dân chủ» v.v. Trong khi chứng minh những quan điểm của mình về sự thay đổi thực chất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại ngày nay, bọn phản mác-xít đòi xét lại những nguyên lý căn bản của lý luận kinh tế Mác — Lê-nin: học thuyết về giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về tính tất yếu của khủng hoảng sản xuất thừa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, v.v. Bị tấn công đặc biệt nhiều nhất là lý luận của chủ nghĩa Mác về sự bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của giai cấp vô sản.

Nhưng bọn phản mác-xít không phải chỉ xét lại chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa tư bản, mà bọn chúng còn tấn công kịch liệt vào chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội. Trong phần này, chủ nghĩa Mác — Lê-nin bị xét lại về nhiều mặt: bọn xét lại phủ nhận tính tất yếu của sự quá độ bằng cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, bọn chúng đấu tranh chống vai trò lãnh đạo của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển kinh tế và từ đó, cho sự hoạt động của quy luật giá trị là có tác dụng quyết định, bọn chúng ra sức vu khống chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc thực chất của chủ nghĩa xã hội.

77CT 1286

Tóm lại, bọn phản mác-xít mưu đồ xét lại tất cả các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin nói chung và lý luận kinh tế của nó nói riêng.

Trong bản Tuyên bố của hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã nhấn rất mạnh rằng trong những điều kiện hiện nay, chủ

602 1A
17948

nghĩa xét lại hay chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu đối với phong trào công nhân quốc tế. Trong văn kiện đó — cương lĩnh chung của tất cả các đảng mác-xít — đã vạch rõ con đường đúng đắn để đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, tay sai của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân.

Trong một thời gian ngắn sau khi thông qua bản Tuyên bố, những kết luận trong bản Tuyên bố đã được chứng thực hoàn toàn đúng. Để phục vụ cho bọn chủ của chúng, bọn xét lại mưu đồ gieo rắc những sự bất hòa trong phong trào cộng sản.

Nhưng bọn xét lại không thể làm cho bất cứ một Đảng anh em nào xa rời con đường Mác — Lê-nin. Chỉ có những nhóm cơ hội chủ nghĩa «đáng thương hại» và một số phần tử cá biệt đầu hàng trước mũi súng của kẻ thù giai cấp là đi theo chúng mà thôi. Trong bản báo cáo tại Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô, đồng chí Khơ-rút-sốp đã vạch ra rằng: «Cái váng làm vẩn đục nguồn nước trong suốt của phong trào cộng sản, trong quá trình đấu tranh, đã nổi lên và bị vớt bỏ ra ngoài»[1].

Phong trào cộng sản quốc tế đã giáng cho chủ nghĩa xét lại những đòn chí tử. Nhưng chủ nghĩa xét lại chưa bị đánh bại triệt để. Những nguyên nhân khách quan làm cho nó tồn tại chỉ mất đi khi nào chủ nghĩa đế quốc bị tiêu diệt. Do đó, trong tương lai vẫn còn có thể có những sự đột kích của chủ nghĩa xét lại trong một đảng mác-xít nào đó. Vì vậy cho nên điều quan

---

1. «Văn kiện của Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô», tiếng Nga, 1959, tr. 78.

trọng là phải nhắc lại lời cảnh cáo của Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô: « Cần phải chú ý rằng, chủ nghĩa đế quốc sẽ ra sức nâng đỡ và làm sống lại chủ nghĩa xét lại »[1].

II. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI TRONG CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bọn cải lương và xét lại hiện đại đủ các màu sắc và dưới mọi hình thức biến tướng, ra sức tô son điểm phấn cho chế độ tư bản chủ nghĩa. Bọn chúng mưu đồ chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi tính chất, đã trải qua cái gọi là « ngẫu biến », nó không còn là chủ nghĩa tư bản theo đúng nghĩa của chữ đó nữa.

Giải thích một cách xuyên tạc tính chất của chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, là cơ sở của mọi quan điểm cải lương về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Các nhà tư tưởng cải lương khẳng định rằng: tính chất của chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất không còn đóng vai trò quyết định trong hệ thống quan hệ xã hội, rằng xã hội càng phát triển thì quan hệ giữa người và người ngày càng ít phụ thuộc vào những điều kiện vật chất « thô thiển ». Đồng thời, bọn chúng mưu đồ chứng minh rằng, do kết quả phát triển của công ty cổ phần, do sự tăng cường can thiệp của Nhà nước vào kinh tế

---

1. « Văn kiện của Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô », tiếng Nga, 1959, tr. 80.

và do một số quá trình khác nữa, cho nên chế độ sở hữu của giai cấp nhà tư bản về tư liệu sản xuất «đương bị sứt mẻ», đương bị «phân tán», và về nội dung đã sát gần với chế độ sở hữu công cộng. Dựa vào những luận điểm «khoa học» tương tự như vậy, bọn cải lương trong thời gian qua nói chung đã cự tuyệt yêu cầu xã hội hóa tư liệu sản xuất mà tất cả những người xã hội chủ nghĩa trước đây đã đề ra.

Về thực chất, những quan điểm xét lại về vai trò siêu giai cấp của Nhà nước tư sản, về khả năng nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa v.v. cũng xây dựng trên cơ sở «lý luận» như vậy.

Chẳng hạn như trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã khẳng định rằng: «Hình thức giai cấp của chế độ tư bản chủ nghĩa đã lùi về dĩ vãng», còn chủ nghĩa tư bản hiện đại, theo bản chất của nó, là một chế độ mà trong đó có những «nhân tố» xã hội chủ nghĩa, trong đó đang thường xuyên diễn ra quá trình «thâm nhập khuynh hướng xã hội chủ nghĩa vào trong hệ thống chủ nghĩa tư bản Nhà nước». Theo ý kiến của các tác giả bản cương lĩnh thì điều đó sở dĩ xảy ra là do có sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Nhà nước, do tăng cường vai trò của Nhà nước trong sinh hoạt kinh tế của các nước tư bản. «Nhà nước buộc phải áp dụng một số biện pháp để kiểm soát tư bản tư nhân... Nhà nước tự gánh lấy vai trò to lớn trong kinh tế bằng cách phát triển các hình thức tín dụng—tiền tệ mới, sử dụng rộng rãi hơn chế độ thuế khóa để điều chỉnh kinh tế hoặc trực tiếp quốc hữu hóa các ngành công nghiệp và các cơ sở đầu tư lớn của quốc doanh hoặc bằng cách hạn chế sự quản lý tư bản tư nhân và kiểm soát sự phân phối lợi nhuận bằng

những cách đó, Nhà nước đã mang lại một số nhân tố của việc kế hoạch hóa kinh tế. Do có sự phát triển và biến đổi nội bộ trong chế độ tư bản chủ nghĩa... cho nên vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực quan hệ giữa lao động và hữu sản, giữa quyền lợi xã hội và nghĩa vụ xã hội và trong các lĩnh vực quan hệ xã hội khác, được dần dần tăng cường». Như thế là bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã ra sức quảng cáo cho vai trò ngày càng lớn mạnh của Nhà nước tư sản. Và trên cơ sở đó, rút ra một kết luận rất rõ ràng: «Làn sóng tư bản Nhà nước ngày càng lớn mạnh trong thế giới tư bản chủ nghĩa, là một bằng cớ hiển nhiên nhất chứng tỏ rằng nhân loại đương bước vào kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa một cách sâu sắc, vững chắc và bằng nhiều con đường khác nhau; trong kỷ nguyên này, chủ nghĩa xã hội sẽ ngày càng trở thành nội dung của thực tiễn hàng ngày của toàn thể loài người».

Như vậy là trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, thành phần Nhà nước trong kinh tế tư bản chủ nghĩa được coi là một thành phần không phải «tư bản chủ nghĩa thông thường». Theo ý kiến của tác giả bản cương lĩnh thì thành phần đó là «một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội» không hơn không kém, còn Nhà nước tư sản là một Nhà nước đứng trên các giai cấp, đứng trên tư bản, đó là Nhà nước điều chỉnh, kiểm soát và kế hoạch hóa kinh tế.

Trong tạp chí Nam-tư «Na-sa stơ-va-rơ-nốt» năm 1958 có đăng một loạt bài ra sức tô son điểm phấn cho hiện thực tư bản chủ nghĩa hiện đại. «Quan niệm mới» về chủ nghĩa tư bản được phản ánh đầy đủ nhất trong các bài của N. Pa-sích, I. Mác-xi-mô-vích, I. Gô-ri-sa-rơ và của các tác giả khác. Thực chất của quan niệm

đó, có thể tóm tắt như sau: Nhà nước tư sản hiện đại đã trở thành một lực lượng thực tế, hoàn toàn có thể làm cho các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa phải chịu ảnh hưởng của mình, do đó giai cấp tư sản bắt đầu mất dần vai trò của giai cấp lãnh đạo xã hội. Xuất phát từ tiền đề bịa đặt đó, bọn xét lại đi đến kết luận về tính chất siêu giai cấp của Nhà nước tư sản, hình như Nhà nước này tập trung vào trong tay mình quyền lực chính trị và việc quản lý kinh tế, không phụ thuộc vào giai cấp nhà tư bản.

Bọn xét lại hiện đại khẳng định rằng: lao động thặng dư của công nhân làm thuê, hiện nay không phải chỉ một mình nhà tư bản chiếm đoạt. Một bộ phận sản phẩm thặng dư ngày càng lớn, trở thành tài sản của Nhà nước, và Nhà nước thi hành một chính sách phân phối thu nhập công bằng cho các giai cấp. Theo họ thì thậm chí giai cấp công nhân cũng thu được một phần giá trị thặng dư nhất định. Dựa vào những «luận cứ» tương tự như vậy, bọn xét lại âm mưu chứng minh luận điểm của chúng về sự thay đổi bản chất xã hội của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Biện hộ cho chủ nghĩa tư bản là nội dung cơ bản của tất cả mọi «tác phẩm» của bọn phản mác-xít hiện đại. Mặc dù có những sự khác nhau nào đó về bề ngoài, nhưng về thực chất bọn chúng giống nhau như đúc. Chúng ta hãy lấy ví dụ về lý luận «Nhà nước phúc lợi chung» mà Bi-ten-men — một trong những phần tử cơ hội hữu khuynh trong Đảng Cộng sản Mỹ, ra sức tuyên truyền quảng cáo. Tháng 11 năm 1957, Bi-ten-men phát biểu một loạt bài phản mác-xít, trong đó y khẳng định rằng chế độ tư bản chủ nghĩa đã bước vào giai đoạn quá độ nằm khoảng giữa chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa xã hội. Bi-ten-men tuyên bố rằng đó là giai đoạn chung sống hòa bình trên vũ đài quốc tế, còn

trong nước thì đó là «Nhà nước phúc lợi chung». Y viết tiếp: «Nhà nước phúc lợi chung là một giai đoạn lịch sử nhất định trong sự tiến bộ xã hội của nước Mỹ».

Muốn gán ghép cho Đảng quan điểm xét lại về «Nhà nước phúc lợi chung», Bi-ten-men trong quá trình thảo luận cương lĩnh của Đảng, đã đưa ra một nghị quyết như sau: «Mục đích có tính chất cương lĩnh của Đảng Cộng sản Mỹ trong cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ nhằm bảo vệ và mở rộng dân chủ, là phát triển và mở rộng hơn nữa chế độ dân chủ của Lin-côn và của «phương châm mới», chế độ dân chủ kiểu chống lũng đoạn, phát triển và mở rộng hơn nữa Nhà nước phúc lợi chung hoạt động trong khuôn khổ hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và trong chế độ Nhà nước tư sản. Đó là một giai đoạn lịch sử của sự tiến bộ xã hội trên con đường nước Mỹ đi đến chủ nghĩa xã hội».

Trong tạp chí «Sinh hoạt chính trị» số tháng Chạp năm 1958, có đăng lời Tuyên bố của Ban dự thảo cương lĩnh của Đảng Cộng sản Mỹ; trong lời tuyên bố đó kiên quyết bác bỏ quan điểm xét lại của Bi-ten-men. Bản Tuyên bố nhấn mạnh rằng, luận điểm «Nhà nước phúc lợi chung», coi chế độ dân chủ kiểu mới là một cái gì trung gian giữa chế độ dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa phù hợp với giai đoạn trung gian trong sự phát triển của xã hội, giữa chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội. Nhưng giai đoạn đó không có và không thể có; sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội chỉ có thể diễn ra bằng con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước của thời kỳ đó chỉ có thể là Nhà nước của giai cấp công nhân, mặc dù hình thức của nó như thế nào.

Cái gọi là «Nhà nước phúc lợi chung» trong điều kiện chủ nghĩa tư bản, là một ảo tưởng trống rỗng, là

sự lừa bịp giai cấp công nhân. Về thực chất, đó là Nhà nước lũng đoạn. Nhà nước này — trước áp lực của giai cấp công nhân — buộc phải đi đến một số nhượng bộ tối thiểu trong các biện pháp xã hội. Tuy nhiên, hễ gặp trường hợp thuận lợi là bọn tư bản cắt xén hay hoàn toàn không thực hiện những sự nhượng bộ đó trong thực tế. Đồng thời, tư bản lũng đoạn lợi dụng các biện pháp ấy làm thủ đoạn đấu tranh chống những cải cách xã hội căn bản, bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa. Như vậy là lý luận «Nhà nước phúc lợi chung» là sự phản ánh các thứ lý luận tư sản và cải lương nhằm bảo vệ Nhà nước lũng đoạn. Trong phần kết luận của bản Tuyên bố có viết rằng: «Ban dự thảo cương lĩnh bác bỏ luận điểm «Nhà nước phúc lợi chung», cho đó là sự xa rời chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách nghiêm trọng, là phản ánh chủ nghĩa xét lại hiện đại ở Mỹ».

Bọn xét lại hiện đại thích khoe khoang khoác lác về tính độc đáo của các quan điểm của mình. Nhưng chỉ tìm hiểu sơ qua những tiền đề «lý luận» của bọn xét lại thôi cũng đã hoàn toàn thấy rằng toàn bộ «hành lý» tư tưởng của bọn chúng chỉ là lấy ở bọn tư tưởng gia xã hội phái hữu.

Sự nhất trí về tư tưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại, trước hết biểu hiện ở chỗ: hai trào lưu xã hội phái hữu đó đều đi theo một phương pháp luận sai lầm.

Ai cũng biết rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là phương pháp của chính trị kinh tế học mác-xít.

Kẻ thù của chủ nghĩa Mác sợ phép biện chứng như «cú sợ ánh sáng». Nguyên nhân của tình hình đó đã được Mác giải thích cặn kẽ. Mác viết rằng: phép biện chứng «... bị giai cấp thống trị và bọn tư tưởng gia

của chúng coi là một điều xấu xa và ghê tởm, vì trong quan niệm khẳng định về sự vật hiện có, phép biện chứng đồng thời lại đưa ra quan niệm về sự phủ định và về sự diệt vong tất yếu của sự vật đó; vì nó nắm lấy bản thân sự vận động, mà mỗi một hình thái hình thành của vận động chỉ là một hình trạng tạm thời, nên không có cái gì bắt buộc được nó phải thay đổi quan niệm; vì về căn bản nó có tính chất phê phán và cách mạng »[1].

Phép biện chứng còn làm cho bọn bảo vệ chủ nghĩa tư bản hiện đại đang giãy chết, ghê tởm và kinh khủng hơn nữa. Tình hình thực tế ngày càng chứng minh một cách hùng hồn rằng học thuyết mác-xít về sự tan rã tất yếu của chế độ tư sản là hoàn toàn đúng. Trong những điều kiện như vậy, bọn biện hộ cho chế độ tư sản khó lòng đấu tranh công khai chống phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác. Vì vậy, trong số những người cải lương và xét lại hiện đại có nhiều kẻ thù của chủ nghĩa Mác, ngoài miệng thường thường công nhận phép biện chứng, thậm chí còn thề thốt trung thành với phương pháp biện chứng của Mác. Nhưng hễ đem phương pháp đó áp dụng vào việc phân tích đời sống xã hội thì thực tế họ phản bội lại phương pháp ấy. Về mặt này, biểu hiện rõ ràng nhất là lập trường của tên cải lương chủ nghĩa mà ai cũng biết, đó là Jôn Stơ-re-si, một tay lý luận của Công đảng Anh.

Năm 1956, Jôn Stơ-re-si xuất bản cuốn «chủ nghĩa tư bản hiện đại», trong đó y mưu đồ chứng minh lý luận «chủ nghĩa xã hội Anh». Y không diễn theo «mốt» cũ. Y thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản đã bước vào

---

1. Mác *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, t. I, tr. 27-28.

giai đoạn phát triển cuối cùng của nó, qua giai đoạn đó chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội. Khi nhận xét chủ nghĩa tư bản hiện đại, Stơ-re-si thậm chí còn nhắc đến các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất ấy. Nhưng đó chỉ là sự thừa nhận ngoài miệng nhằm mục đích lừa gạt giai cấp công nhân. Về thực chất, Stơ-re-si phủ nhận bản thân các quy luật nói chung. Không dám tuyên bố thẳng như vậy, tên lý luận của Công đảng phải dùng đến một phương pháp mà nhiều tên phản mác-xít hay dùng nhất. Y gán cho Mác những nguyên lý mà bản thân Mác cũng đã từng chống lại. Chẳng hạn như nhà tư tưởng của Công đảng Anh quả quyết rằng Mác đem phạm trù «quy luật» đối lập với phạm trù «xu hướng».

Về vấn đề ấy, Stơ-re-si viết như sau: «... sau khi xuyên qua được bức màn sắt của bức tường công xưởng và sau khi vạch rõ quá trình tích lũy của tư bản mới, sinh ra từ quá trình trao đổi giữa công nhân và người thuê công nhân, Mác đi đến kết luận rằng Mác có thể xác định được cái «quy luật» quyết định đúng đắn những điều kiện tiến hành sự trao đổi đó. Và kinh nghiệm hàng trăm năm nay đã cho phép ta nói rằng chính điều đó đã đưa Mác đến những sai lầm có tính chất quyết định. Hay nói đúng hơn, quy luật chẳng qua là một xu hướng tồn tại thực sự trong chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng nó có thể được xác lập nên và có thể bị xóa bỏ».

Ở một chỗ khác trong tác phẩm của mình, Stơ-re-si đi đến một kết luận tương tự như vậy: «các anh hãy lấy lý luận giá trị lao động chung, tức là luận đề nói rằng: mọi hàng hóa trao đổi với nhau đều phù hợp với thời gian lao động chứa đựng trong những hàng hóa đó, hay lấy một trường hợp đặc biệt: sức lao động

được trao đổi phù hợp với thời gian lao động hao phí để sản xuất ra nó, — thì trước mặt các anh tất cả chỉ là một xu hướng, chứ không phải là quy luật».

Nhưng chúng ta hãy xem bản thân Mác nói về vấn đề ấy như thế nào. Trong lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất bộ *Tư bản*, Mác đã định nghĩa những « quy luật tự nhiên của sản xuất tư bản chủ nghĩa » là « những *xu thế* đang biểu hiện và trở thành hiện thực một cách tất yếu thép »[1]. Không bao giờ Mác đem khái niệm « quy luật » và « xu hướng » đối lập với nhau.

Stơ-re-si cần « đánh đổ » chủ nghĩa Mác để chứng minh cho « chân lý » sau đây : xu hướng « trong những thời gian nhất định và trong những lĩnh vực nhất định... có thể bị khắc phục ». Và Stơ-re-si đã kê ra một đơn thuốc thực tế để khắc phục xu hướng ấy. Theo ý Stơ-re-si thì trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản phát sinh ra những cái gọi là lực lượng đối lập ; những lực lượng đối lập này tạo khả năng khắc phục các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Stơ-re-si coi Nhà nước tư sản, công đoàn, đảng phái là những lực lượng đối lập đó. Như vậy, điểm xuất phát trong phương pháp luận của y là ở chỗ : các quy luật kinh tế khách quan — nếu nó tồn tại — có thể dễ bị các nhân tố chủ quan khắc phục.

Trong khi phân tích bất cứ một hiện tượng kinh tế nào, Stơ-re-si đều áp dụng phương pháp luận duy tâm đó. Chẳng hạn như khi nói về giá cả, Stơ-re-si khẳng định rằng : trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, giá cả « là những số lượng mà người ta có thể đo

---

1. Mác : *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, t. I, tr. 11.

lường được do có những quyết định đầy ý thức của một nhóm người ». Sto-re-si hoàn toàn bác bỏ cả lý luận giá trị lao động của Mác, bởi vì theo y thì lý luận đó không giải thích được những sự thật của tình hình thực tế hiện nay. Theo ý kiến của Sto-re-si thì nhờ có những lực lượng đối lập nên hoàn toàn có thể thủ tiêu được những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa; trong số những lực lượng đối lập đó thì cái quan trọng nhất là Nhà nước tư sản.

Sau khi « bác bỏ » những quy luật kinh tế do Mác tìm ra, nhà tư tưởng của Công đảng đi đến kết luận rằng: hiện nay chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, « đã trải qua ngẫu biến ». Đó là « kinh thánh » cải lương của Sto-re-si.

Nhưng không phải chỉ có một mình Sto-re-si là áp dụng phương pháp luận phản khoa học trong công tác nghiên cứu. Chủ nghĩa duy tâm là cơ sở triết học của mọi lý luận kinh tế cải lương. Ta hãy lấy ví dụ về tác phẩm của Jôn Cô-un (đảng viên Công đảng Anh) « Chủ nghĩa tư bản trong thế giới hiện nay » xuất bản hồi tháng 10 năm 1957. Trong cuốn sách ấy, Cô-un từ bỏ việc phân tích khách quan tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản và dựa trên lập trường duy tâm của chính trị kinh tế học tư sản. Y khẳng định rằng những nhân tố như: tăng cường vai trò của Công đoàn, giành quyền bầu cử cho quần chúng nhân dân và một số nhân tố khác đã mang lại « những hình thức kiểm tra của xã hội đối với sự hoạt động của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và trong một số nước nó đã xã hội chủ nghĩa hóa thực sự một phần kinh tế; những nhân tố đó có ảnh hưởng đến bản thân chủ nghĩa tư bản ». Cũng như Sto-re-si, Cô-un mưu đồ chứng minh rằng: chủ nghĩa tư bản đương thay đổi bản chất do có sự

tác động của những nhân tố chủ quan. Còn những quy luật kinh tế khách quan thì Cô-un tuyệt nhiên không nhắc đến.

Cần phải thấy rằng trong lĩnh vực phương pháp luận, lập trường của bọn cải lương nhất trí với lập trường của Kê-in, một nhà kinh tế học tư sản nổi tiếng.

Kê-in khẳng định rằng, tất cả các quá trình kinh tế trong xã hội đều quyết định bởi tâm lý của con người. Nói riêng những cuộc khủng hoảng kinh tế dưới chế độ tư bản chủ nghĩa — theo ý kiến của y — sở dĩ xảy ra là do có sự thay đổi rất lớn về tâm lý của những người kinh doanh. Tại sao? Bởi vì trong hàng ngũ các nhà tư bản thường có tâm lý không tin tưởng vào doanh lợi của xí nghiệp, sinh ra bi quan, do đó họ giảm bớt đầu tư, tiến hành giãn thợ v.v. Và ngược lại, làn sóng lạc quan chủ nghĩa có thể thúc đẩy kinh tế phát triển.

Đồng thời, Kê-in công khai tuyên bố rằng y đứng trên lập trường chủ nghĩa duy tâm. Trong tác phẩm chủ yếu của y «Lý luận chung về công việc làm, lợi tức và tiền tệ», y có viết về vấn đề đó như sau: «Tư tưởng của các nhà kinh tế học và các nhà tư tưởng chính trị, dù đúng dù sai, nó vẫn mạnh hơn sự suy nghĩ thông thường. Trong thực tế hầu như chỉ có những tư tưởng ấy là thống trị thế giới».

Những đảng viên Công đảng phái hữu ở Anh tiếp thu vô điều kiện lý luận duy tâm của Kê-in về «tâm lý hóa» sinh hoạt kinh tế, tiếp thu phương pháp luận duy tâm của Kê-in. Đó là một trong những đặc điểm của chính trị kinh tế học của chủ nghĩa cải lương.

Nhưng phương pháp nghiên cứu phản khoa học đối với các hiện tượng của đời sống xã hội, không phải chỉ là đặc điểm của bọn kinh tế học tư sản cải lương. Tất

cả các « tác phẩm » của bọn xét lại hiện đại, về thực chất, đều xây dựng trên cơ sở phản khoa học, sai lầm như vậy. Chúng ta hãy lấy ví dụ về cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư. Trong tài liệu đó, khi nhận định chủ nghĩa tư bản hiện đại, người ta nêu các nhân tố chính trị lên hàng đầu, còn các quy luật khách quan nội tại vốn có của chế độ đó thì không được chú ý đến. Các tác giả của bản cương lĩnh không thấy rằng đằng sau những hiện tượng cá biệt bề ngoài có những quá trình sâu sắc đương xảy ra trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư có nhận xét một cách đúng đắn về vai trò ngày càng to lớn của Nhà nước tư sản trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nhưng đồng thời lại xuyên tạc tính chất của mối quan hệ lẫn nhau giữa tư bản lũng đoạn và Nhà nước tư bản chủ nghĩa. Bản cương lĩnh vạch ra rằng, Nhà nước « ngày càng khống chế tư bản bằng cách hạn chế một phần quyền quản lý của tư nhân đối với tài sản tư bản chủ nghĩa và tước bỏ một số chức năng độc lập của bọn chiếm hữu tư bản tư nhân trong kinh tế và xã hội.

Quá trình liên hệ giữa những người cầm đầu các tổ chức lũng đoạn với việc quản lý Nhà nước, đang còn tiếp tục. Những người cầm đầu đó, trong những lĩnh vực hoạt động nhất định, ngày càng mất hết vai trò hoàn toàn độc lập trước đây của nó, một số chức năng nào đó của các tổ chức lũng đoạn ngày càng chuyển sang Nhà nước ».

Sự can thiệp của Nhà nước tư sản làm giảm bớt sức mạnh kinh tế của các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa, luận điệu đó rõ ràng là mâu thuẫn với tình hình thực tế. Trong thực tế phải chăng việc quốc hữu hóa một số

xí nghiệp và thậm chí một số ngành kinh tế ở Anh và Ý v.v. lại làm suy yếu sức mạnh kinh tế của các tổ chức lũng đoạn? Tuyệt nhiên là không! Trái lại, nhờ thực hiện những biện pháp đó cho nên bọn tư bản thoát khỏi những xí nghiệp và ngành công nghiệp lạc hậu nhất về mặt kỹ thuật. Bọn lũng đoạn có thể đem số tư bản được bồi thường đầu tư vào những ngành sản xuất tiến bộ, có lợi nhất, do đó tăng thêm được lợi nhuận. Cuối cùng các tổ chức lũng đoạn sở dĩ thu được nhiều mối lợi trong việc quốc hữu hóa, là bởi vì việc trang bị lại những ngành trước đây lạc hậu, đều dựa vào ngân sách Nhà nước, nói đúng hơn dựa vào tiền của những người đóng thuế. Do đó, hiện nay các tổ chức lũng đoạn có thể mua rẻ than đá, điện lực và các loại công nghiệp phẩm khác. Tất cả những điều đó đã chứng minh một cách hùng hồn tính chất phản khoa học của những kết luận của bọn xét lại, bởi vì những kết luận đó đều dựa trên cơ sở phân tích các hiện tượng bề ngoài của xã hội tư bản. Điều đó một lần nữa, chứng minh sự nhất trí về tư tưởng giữa bọn xét lại và bọn cải lương.

Bọn xét lại hiện đại cũng như bọn cải lương đều có đặc điểm là khi thì ca tụng đặc điểm này, khi thì ca tụng đặc điểm khác của sự phát triển biện chứng, khi thì ca tụng «bài học» này, khi thì ca tụng «bài học» khác của sự phát triển đó. Bọn xét lại không muốn chú ý đến các mâu thuẫn của đời sống sinh động, không muốn hiểu tính chất biện chứng của sự phát triển xã hội nói chung và của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói riêng. Lê-nin đã từng vạch ra rằng: «Chủ nghĩa tư bản sở dĩ tiến bộ là vì nó tiêu diệt phương thức sản xuất cũ và phát triển lực lượng sản xuất, nhưng đồng thời đến một giai đoạn phát triển nhất

định, nó kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nó làm tăng số công nhân, tổ chức công nhân, đưa công nhân vào khuôn khổ kỷ luật. Nhưng chính nó lại đàn áp, áp bức công nhân, đưa công nhân đến chỗ suy đồi, nghèo đói v.v.».[1]

Bọn xét lại tuyệt đối hóa một số mặt của quá trình nhận thức, phủ nhận các quy luật chung của sự phát triển xã hội. Chẳng hạn như, lý luận «chủ nghĩa cộng sản dân tộc» được xây dựng trên cơ sở siêu hình. Tác giả của thứ «lý luận» ấy quá cường điệu đặc điểm của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước này hay nước nọ, đồng thời phủ nhận những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các tác giả đó đã bị cầm tù trong phương pháp luận tư sản cải lương.

Tóm lại, bọn xét lại hiện đại cũng như những người tiền bối của chúng đều đi theo đuôi «khoa học» của các giáo sư tư sản. Bọn học giả tư sản nhún vai coi thường phép biện chứng, và bọn xét lại «... theo đuôi bọn chúng sa lầy vào trong vũng bùn tầm thường hóa khoa học triết học, thay thế phép biện chứng «tinh khôn» (và cách mạng) bằng «sự tiến hóa» «giản đơn» (và yên tĩnh)... ».[2]

Xây dựng những công trình «nghiên cứu» của mình trên cơ sở phương pháp luận duy tâm siêu hình, bọn phản mác-xít hiện đại có thái độ độc đoán đối với các quy luật của đời sống xã hội. Chẳng hạn, bọn chúng chống lại các quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa tư bản do Mác tìm ra.

Mác đã chứng minh một cách khoa học rằng việc sản xuất ra giá trị thặng dư hay lợi nhuận, là quy luật

---

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t.16, tr.318.
2. *Sách đã dẫn*, t.15, tr.19.

tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không thu được giá trị thặng dư thì phương thức tư bản của nghĩa không thể tồn tại được. Quy luật kinh tế đó của chủ nghĩa tư bản cũng như các quy luật khách quan khác chỉ rút lui khỏi vũ đài khi những điều kiện sản sinh ra nó bị xóa bỏ. Mọi người đều biết rằng, những điều kiện đó là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bất cứ nhà học giả nào tự cho mình là người mác-xít, đều cần phải hiểu rõ những nguyên lý sơ đẳng đó.

Nhưng nhiều nhà lý luận cải lương và xét lại hiện đại, ngoài miệng thì tuyên bố trung thành với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nhưng trên thực tế thì lại « bác bỏ » quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản do Mác tìm ra và được Lê-nin áp dụng một cách cụ thể vào điều kiện của chủ nghĩa đế quốc. Chẳng hạn như người ta đi đến một kết luận có suy nghĩ sâu sắc trong cuốn « Công nghiệp và xã hội » được thông qua vào tháng 10 năm 1957 trong cuộc hội nghị của Công đảng Anh và được coi là một văn kiện có tính chất cương lĩnh. Các tác giả của quyển sách đó vạch ra rằng: trong các « công ty công cộng » (bọn đảng viên Công đảng gọi các tổ chức lũng đoạn như vậy—G. D.), các cổ động tư bản « không còn khống chế, thậm chí không còn khống chế gián tiếp công ty nữa », và việc thu lợi nhuận không còn là « động cơ chủ yếu và trực tiếp đối với họ ». Nói một cách khác, nhà tư bản không còn là nhà tư bản nữa.

« Lý luận » về « sự suy yếu và diệt vong dần dần của chế độ bóc lột giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản », bằng hình thức khác nhau, được rêu rao trong nhiều « tác phẩm » của bọn xã hội phái hữu và bọn xét lại đủ các kiểu. Trong thời gian qua, người ta lại truyền bá thứ lý luận tư sản nói về sự bình đẳng giữa công

nhân và nhà tư bản trong việc mua bán sức lao động: công nhân là những người bán bình thường, còn nhà tư bản là người mua bình thường của hàng hóa sức lao động. Quan điểm đó đã bị Mác bóc trần từ lâu, nhưng ngày nay tên cải lương Cô-un lại mưu đồ muốn khôi phục trở lại. Trong cuốn «Những điều kiện sau chiến tranh ở Anh» xuất bản năm 1957, y viết rằng: «Đấu tranh giai cấp mặc dù chưa mất đi, nhưng về căn bản đã thay đổi tính chất. Nó ngày càng không còn là cuộc đấu tranh giữa những người bất bình đẳng, mà đương trở thành sự *cạnh tranh giữa những người bình đẳng* trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau».

Đi theo gót những tên khích động tư tưởng thuộc hàng ngũ bọn tư tưởng gia tư sản cải lương, bọn xét lại hiện đại ra sức «bác bỏ» quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Một trong những «nhà lý luận» của chủ nghĩa xét lại Pháp là Lúc-xen Lô-ra quả quyết rằng: ở châu Âu và ở Mỹ đương xuất hiện ra «những kiểu kết cấu xã hội mới; những kiểu kết cấu này khó lòng coi là kiểu kết cấu «tư bản chủ nghĩa». Trong thế giới tư bản, hai giai cấp đối kháng hình như đương bắt đầu hòa hợp với nhau: «Sự đối kháng có tính chất truyền thống giữa người chủ xí nghiệp và công nhân đương nhường chỗ cho nhiều quan hệ có vô số sắc thái khác nhau». Theo «lý luận» của Lô-ra thì công nhân không còn là người vô sản theo đúng nghĩa của chữ đó nữa, bởi vì hiện nay họ không phụ thuộc vào những nhà tư bản tư nhân, mà là phụ thuộc vào những xí nghiệp cổ phần hay tổ chức Nhà nước. Còn bản thân nhà tư bản thì họ — do địa vị của mình — đang ngày càng trở thành những người ở vào địa vị nửa công nhân.

Do đó — Lô-ra nhấn mạnh — đương xảy ra quá trình «tự tiêu diệt» của chủ nghĩa tư bản, tất cả mọi người trong xã hội biến thành những người lao động làm thuê.

Bọn «lý luận» cải lương và xét lại nhất trí chống lại lý luận giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thông thường tất cả những bọn phản mác-xít không thể dẫn ra một căn cứ lý luận nào, nhất là không thể dẫn ra những số liệu thực tế để chứng minh cho quan điểm của mình. Những sự thật đó không có trong trời đất này! Bản thân hiện thực tư bản chủ nghĩa là một bản cáo trạng kết tội mọi luận điệu của bọn biện hộ cho chủ nghĩa tư bản hiện đại cho rằng sự bóc lột giai cấp vô sản đã bị thủ tiêu.

Ai cũng biết rằng, mức độ tư bản bóc lột giai cấp công nhân, được biểu hiện ở tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư nói lên tỷ lệ phân chia ngày lao động ra thành thời gian lao động thặng dư và thời gian lao động cần thiết. Nói khác đi, phạm trù đó phản ánh tình hình là: người vô sản hao phí bao nhiêu phần thời gian lao động để bù đắp giá trị của sức lao động và bao nhiêu phần thời gian lao động để làm không công cho nhà tư bản.

Căn cứ vào những tài liệu thống kê công bố ở Liên-xô và ở nước ngoài thì ta thấy rằng: mức độ bóc lột giai cấp công nhân ở các nước tư bản không những không giảm bớt đi mà trái lại ngày càng tăng lên. Chẳng hạn như ở Mỹ, trong công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến, tỷ suất giá trị thặng dư năm 1889: 145%, năm 1919: 165%, năm 1929: 210%, năm 1939: 220%, năm 1947: gần 260%. Như vậy là chưa đầy 60 năm, tỷ suất giá trị thặng dư tăng lên gần 1, 8 lần. Nhất là những người da đen và dân di cư ở Mỹ bị bóc lột nặng nề nhất. Nhà kinh tế học tiến bộ của Mỹ là

V. Péc-lô đã đưa ra những số liệu như sau: năm 1947, ở Mỹ, thu nhập bình quân về tiền lương của người da trắng là 1.980 đô-la, của người da đen là 863 đô-la.

Trong tất cả các cường quốc đế quốc đều có xu hướng tăng tỷ suất giá trị thặng dư lên không ngừng. Theo tính toán của J. I-tơn, ở Anh, trong công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến, trong kiến trúc và nông nghiệp, tỷ suất giá trị thặng dư năm 1937 trung bình gần 200%. Năm 1959, tỷ suất giá trị thặng dư trong công nghiệp Anh ít nhất là 300%. Mức độ bóc lột giai cấp vô sản ở nước Cộng hòa liên bang Đức (Tây Đức) và ở các nước đế quốc khác còn nặng nề hơn nữa.

Tất cả những điều đó, bản thân nó đã nói lên sự thật. Bọn thầy kiện hiện đại của các tổ chức lũng đoạn âm mưu «bác bỏ» quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, những mưu đồ đó hoàn toàn không có căn cứ.

Để chứng minh luận điểm về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, bọn biện hộ cho chủ nghĩa tư bản ra sức truyền bá câu chuyện hoang đường về sự nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân lao động các nước tư bản. Muốn thế, bọn cải lương và bọn xét lại tấn công đặc biệt mạnh mẽ vào học thuyết của Mác về sự bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Cần phải thấy rằng, câu nói đầu tiên nhằm chống lại chủ nghĩa Mác của Béc-stanh (người cha tinh thần của chủ nghĩa xét lại) là như sau: «Lý luận bần cùng hóa của Mác đã lỗi thời rồi». Rất rõ ràng là tại sao chủ nghĩa xét lại cũ cũng như chủ nghĩa xét lại hiện đại đều tập trung chú ý vào vấn đề ấy; nó làm như vậy là nhằm một mục đích duy nhất: lừa gạt công nhân, tước bỏ vũ khí của công nhân trong cuộc đấu

tranh cho quyền lợi sống còn của họ, cho việc cải tạo xã hội bằng con đường cách mạng.

Trong *Tư bản*, Mác đã vạch ra rằng: của cải của xã hội tư bản càng phát triển thì sự bất bình đẳng của xã hội càng tăng lên, hố sâu ngăn cách giữa giai cấp hữu sản (giai cấp tư sản) và giai cấp vô sản càng trở nên sâu sắc và mở rộng. Mác gọi quá trình giảm bớt phần thu nhập quốc dân của công nhân và tăng thêm phần thu nhập quốc dân của nhà tư bản là sự bần cùng hóa tương đối của giai cấp vô sản. Trong thời đại hiện nay, bọn «phê phán» Mác mưu đồ bác bỏ quy luật khách quan đó, mặc dù quy luật đó là do các điều kiện kinh tế của chủ nghĩa tư bản sinh ra. Về vấn đề này, có lẽ bọn cải lương Áo chiếm ưu thế. Quan điểm của chúng được phản ánh đầy đủ nhất trong «Cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo», cương lĩnh này được thông qua tại đại hội bất thường họp vào tháng 5 năm 1958.

Qua bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo, người ta có thể thấy rằng: trong vấn đề bần cùng hóa giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, bọn cải lương Áo ngày nay đã bước một bước thụt lùi rất lớn so với Cau-sky, bởi vì dù sao thì Cau-sky vẫn phải thừa nhận sự bần cùng hóa tương đối trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Con của Cau-sky là Bê-nê-đích cùng các tác giả khác của bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo đều khẳng định rằng hiện nay trong các nước tư bản chủ yếu đã hình thành nên một tình hình là chính phủ các nước thường xuyên quan tâm đến việc phân phối hợp lý thu nhập quốc dân cho tất cả các giai cấp trong xã hội. Người ta lấy nước Áo hiện nay làm mẫu mực cho Nhà nước «phúc lợi chung» đó. Trong nước này — theo ý kiến của các tác giả bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo — chính phủ tư sản có đầy đủ

khả năng «...đảm bảo cho mỗi một người lao động được hưởng một phần hợp lý trong thu nhập quốc dân, đảm bảo cho mỗi người và gia đình họ được hưởng những phụ cấp xã hội ưu đãi nhất».

Nhưng bản thân đời sống thực tế đã bác bỏ luận điệu của bọn phản mác-xít về «phần hợp lý» của nhân dân lao động trong thu nhập quốc dân. Các tài liệu thống kê đã chứng minh sự giảm sút nghiêm trọng phần thu nhập quốc dân của công nhân Áo: nếu năm 1937 phần thu nhập quốc dân đó là 46%, thì đến năm 1952 nó giảm xuống còn 31%. Đồng thời tỷ lệ thuế mà nhân dân lao động phải nộp cho ngân sách thì tăng lên rất nhiều: năm 1934 là 70%, đến năm 1951 đã tăng lên 83%.

Tất cả các nước tư bản đều có đặc điểm là tỷ trọng thu nhập của giai cấp công nhân ngày càng giảm bớt, trong khi đó thì của cải của xã hội tăng lên một cách tuyệt đối. Ví dụ, so với lợi nhuận của nhà tư bản thì tiền lương của công nhân công nghiệp Mỹ năm 1889 là 69%, năm 1919 là 61%, năm 1929 là 48%, năm 1939 là 45%. Hiện nay, bọn tư bản chiếm gần 1/10 dân số trong nước, nhưng lại chiếm hơn một nửa thu nhập quốc dân.

Hiện nay, bọn «phê phán» Mác, tấn công đặc biệt mạnh mẽ vào học thuyết về sự bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản. Bọn chúng tuyên bố rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đời sống của nhân dân lao động ngày càng được cải thiện không ngừng, rằng kết luận của Mác đã lỗi thời.

Lúc-xen Lô-ra khẳng định rằng: «Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa xã hội khoa học của thế kỷ vừa qua». Jắc Ma-ri Đô-mi nắc câu kết với Lô-ra, tuyên bố rằng: «Vấn đề không phải là ở sự nghèo đói của giai cấp vô sản năm 1850 mà vấn đề là ở đời sống của công nhân Pháp năm

1957 ». Hăng-ri Lơ-phe-vơ-rơ, trong cuốn « Những vấn đề hiện nay của chủ nghĩa Mác », nghi ngờ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kể cả lý luận về sự bần cùng hóa giai cấp công nhân. Lý luận đó cũng như các nguyên lý khác của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, theo ý kiến của Lơ-phe-vơ-rơ, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay nữa.

Trong bài « Chủ nghĩa xã hội là một quá trình thế giới » đăng trên tạp chí « Na-sa stơ-va-rơ-nớt » số 5 năm 1958, « nhà lý luận » Nam-tư, bác sĩ N.Pa-sich, viết rằng: « Hiện nay lịch sử đã có khả năng là, ở những nước phát triển cao chưa thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa bằng con đường bạo lực, có thể thực hiện những sự thay đổi trong kết cấu quan hệ kinh tế và quan hệ xã hội, những sự thay đổi này bao hàm trong nó những nhân tố rõ ràng là phủ định chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân các nước đó đã từ quần chúng vô sản hoàn toàn không có chút quyền hành, bị đàn áp trong xã hội, trở thành một lực lượng xã hội độc lập, có tổ chức tốt; thông qua công đoàn và chính đảng của nó, nó có thể không những đảm bảo cải thiện rất nhiều đời sống vật chất của mình, mà còn có ảnh hưởng ngày càng lớn đến phương hướng chung của sự phát triển xã hội ».

Tất cả những luận điệu ba hoa của bọn xét lại về sự « lỗi thời » của lý luận Mác — Lê-nin và về sự không hợp thời của nó trong điều kiện hiện nay, đều không phải là điều gì mới mẻ. Nó là đứa con chính trị sinh đôi của những thứ « lý luận » mà bọn xã hội phái hữu đã từng truyền bá. Điều đó có thể nhìn thấy rõ nếu ta đem so sánh những luận điệu đó với, chẳng hạn như, quan điểm của Stơ-re-si trình bày trong cuốn « Chủ nghĩa tư bản hiện đại ».

Ai cũng biết rằng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, sức lao động là một thứ hàng hóa đặc biệt. Mác

đã từng vạch ra rằng: «Sức lao động bao hàm, về phương diện giá trị, một yếu tố tinh thần và lịch sử; đó là chỗ phân biệt nó với những hàng hóa khác»[1]. Cố tình bỏ qua những nguyên lý đó của chính trị kinh tế học vô sản, Sto-re-si gán cho Mác một quan điểm ngây ngô rằng hình như Mác xác định giá trị của sức lao động chỉ là những tư liệu vật chất tối thiểu cần thiết cho sinh hoạt của người công nhân và gia đình họ.

Nếu như giá trị của sức lao động, quả thực chỉ là một số nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người công nhân, thì sẽ sinh ra ấn tượng là không có sự bần cùng hóa tuyệt đối. Vì sao? Bởi vì bất cứ một sự tăng thêm nào của mức tối thiểu đó đều có thể coi như là nâng cao mức sống của giai cấp công nhân. Trong những thời kỳ cá biệt, trong những nước tư bản cá biệt, tiền lương thực tế của công nhân có thể tạm thời được nâng lên. Xuất phát từ sự thật đó, Sto-re-si tuyên bố rằng lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân đã «lỗi thời» rồi. Trong khi nói về giá trị của sức lao động, nhà «lý luận» của Công đảng hoàn toàn không chú ý đến nhân tố lịch sử và tinh thần.

Trong việc «bác bỏ» lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa tuyệt đối, Sto-re-si đã tiến hành, ít nhất là hai sự xuyên tạc vô cùng thô bạo. Thứ nhất cố ý xuyên tạc lý luận về tiền lương của Mác. Mọi người đều biết, không bao giờ Mác nói rằng tiền lương không thể cao hơn giá trị của những tư liệu sinh hoạt vật chất tối thiểu của người công nhân. Hơn nữa, Mác và Ăng-ghen đã nghiêm khắc phê phán cái gọi là «quy luật sắt về tiền lương» của Lát-xan, quy luật này «xây dựng trên

---

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, t. I, tr. 238.

cơ sở của một quan điểm kinh tế đã hoàn toàn lỗi thời: hình như người công nhân, trung bình chỉ nhận được tiền *lương tối thiểu...*»[1]. Vấn đề đó, Stơ-re-si không thể không biết đến.

Thứ hai, theo đuôi các nhà kinh tế học tư sản, Stơ-re-si bỏ qua tất cả những nhân tố quyết định mức sống của người công nhân. Những nhân tố đó là: mức tiền lương thực tế và quan hệ giữa mức tiền lương thực tế với giá trị của sức lao động, quy mô của nạn thất nghiệp, mức cường độ lao động, điều kiện nhà ở của công nhân, tình cảnh của công nhân không những trong những nước phát triển mà cả trong những nước phụ thuộc và thuộc địa v.v. Để chứng minh sự tăng lên không ngừng về mức sống của nhân dân lao động Anh và các nước khác, Stơ-re-si chỉ đưa ra những số liệu về tăng tiền lương thực tế của công nhân có việc làm để làm luận cứ. Những chỉ tiêu khác thì y không để ý đến.

Nhiều bọn cải lương và xét lại khác cũng dùng những phương pháp tương tự như vậy để xuyên tạc lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa của giai cấp vô sản. Trong bài «Lại bàn về sự bần cùng hóa» đăng trong tạp chí Pháp «Cahiers du Communisme» («Tập san của chủ nghĩa cộng sản») (5-1957), đồng chí Tô-rê, Tổng bí thư của Đảng Cộng sản Pháp đã vạch mặt tên xã hội phái hữu Pi-e Rem-be, vì tên này âm mưu gán cho Mác tư tưởng sau đây: số phận của giai cấp công nhân có thể được cải thiện vô hạn dưới chế độ tư sản. Rem-be trích ra một đoạn trong bộ *Tư bản:* «Lúc đó, những người công nhân nhận được, dưới hình thái tiền công, một bộ phận lớn hơn, trong số sản phẩm thặng dư —

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 15, tr. 290.

do chính họ làm ra — ngày càng lớn lên và không ngừng được tư bản hóa, khiến cho họ có thể mở rộng được phạm vi hưởng thụ của họ, có thể ăn, mặc, ở... khá hơn trước, và để dành được chút ít tiền ».[1]

Rem-be cố tình cắt xén những điều trích dẫn trong *Tư bản*. Trong *Tư bản*, ngay sau những lời trích nói trên, Mác lại nói đến những điều như sau: « Nhưng nếu một sự đối đãi tốt hơn, số thức ăn nhiều hơn, quần áo sạch sẽ hơn và một món tiền tiêu vặt nhiều hơn chẳng làm cho xiềng xích của chế độ nô lệ vì thế mà tiêu tan đi, thì đối với xiềng xích của chế độ làm thuê cũng có thể nói như vậy... Tăng tiền công, thì nhiều lắm cũng chỉ là giảm một cách tương đối lượng lao động không công mà người thợ phải cung cấp »[2]. Nói một cách khác, ở đây Mác nhấn mạnh rằng người công nhân chỉ có thể tồn tại trong điều kiện tái sản xuất ra những điều kiện nô dịch bản thân họ. Đó là tư tưởng cơ bản của Mác mà Pi-e Rem-be đã che giấu mất.

Nhưng điều quan trọng nhất là nếu như trong tiết thứ nhất của chương XXIII của quyển I *Tư bản*, Mác nghiên cứu những điều kiện bán sức lao động trong khi cấu tạo của tư bản không thay đổi, thì trong tiết thứ hai của chương đó, Mác lại vạch ra rằng, giai đoạn lịch sử đó đã qua rồi: « Mãi cho đến nay, chúng ta mới chỉ nghiên cứu giai đoạn đặc biệt của quá trình ấy, trong đó sự tăng lên của tư bản rất hợp với một tình trạng đình đốn của cấu tạo kỹ thuật của tư bản. Nhưng quá trình tiến triển còn đi xa hơn giai đoạn đó ».[3]

---

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, t. III, tr 81.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 81-83.

3 *Sách đã dẫn*, tr. 87.

Toàn bộ lịch sử hiện đại của chủ nghĩa tư bản có đặc điểm là tăng thêm trình độ cơ giới hóa, phát triển các tư liệu sản xuất kỹ thuật và giảm bớt một cách có tỷ lệ số lượng công nhân so với khối lượng tư liệu sản xuất đó. Tình hình đó đưa đến kết quả là hình thành nên đội quân lao động công nghiệp dự bị. Đội quân này thường xuyên ảnh hưởng đến tình cảnh của đội quân lao động có việc làm. Xuất phát từ sự phân tích tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản, Mác đi đến kết luận về «quy luật chung và tuyệt đối của tích lũy tư bản». Mác viết: «Mặc dù định ngạch tiền công cao hay thấp như thế nào, nhưng tư bản càng tích lũy lại thì tình cảnh của người lao động nhất định càng tồi tệ hơn trước»[1].

Rem-be đã hoàn toàn xuyên tạc các nguyên lý của Mác và mưu đồ gán cho Mác những cái mà chính Mác thường xuyên chống lại.

Bọn cải lương và xét lại hiện đại còn gán cho Mác một quan điểm tầm thường về tính chất tự động và liên tục của quá trình bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản.

Trên thực tế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác—Lê-nin bao giờ cũng chống lại những sự xuyên tạc như vậy của kẻ thù của chủ nghĩa Mác đối với «lý luận về sự bần cùng». Ngay từ năm 1891, trong khi phê phán nguyên lý sau đây trong cương lĩnh Éc-phuya của những người xã hội — dân chủ Đức: «số lượng người vô sản và sự *bần cùng* của họ ngày càng trở nên trầm trọng», Ăng-ghen đã viết: «Điều này, nếu khẳng định tuyệt đối như thế là không đúng. Có thể rằng tổ chức của những người lao động, sự phản kháng ngày càng

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, t.III, tr. 126.

tăng của họ, tạo thành một chướng ngại nào đó đối với sự tăng thêm cảnh *khốn cùng*. Nhưng điều chắc chắn tăng thêm, chính là *trạng thái bấp bênh trong đời sống. Đây là điều mà tôi muốn thêm vào*»[1].

Lê-nin cũng đã vạch ra rằng, cần phải hiểu lý luận của Mác về sự nghèo nàn ngày càng tăng của giai cấp công nhân, như là một «*xu hướng* của chủ nghĩa tư bản, xu hướng này sẽ biến thành hiện thực nếu như không có đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống lại xu hướng đó, nếu như không có những luật lệ về bảo hộ công nhân mà giai cấp công nhân đã giành được»[2].

Như vậy là chủ nghĩa Mác hoàn toàn không phủ nhận rằng trong các nước khác nhau, trong các thời kỳ khác nhau, sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân có thể xảy ra với những mức độ gay gắt khác nhau, và trong một số nước, do kết quả của đấu tranh giai cấp khốc liệt, giai cấp công nhân có thể tạm thời cải thiện được đời sống vật chất của mình. Nhưng nói chung có xu hướng như sau: đời sống của giai cấp công nhân trong các nước tư bản, không tránh khỏi ngày càng trở nên sút kém. Quy luật bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nếu hiểu theo quan điểm mác-xít, chứ không phải theo quan điểm tầm thường, thì hiện nay vẫn phát sinh tác dụng với tính tất yếu nghiêm khắc như cách đây 100 năm.

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, sự bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động biểu hiện dưới nhiều hình thức.

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Phê phán cương lĩnh Gô-ta và Ec-phuya*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1957, tr. 89.

2. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 4, tr. 213.

Việc tăng thêm đội quân lao động công nghiệp dự bị và nhân khẩu thừa nông nghiệp ở nông thôn, trước hết có ảnh hưởng nghiêm trọng đến mức sống của giai cấp công nhân. Trên thị trường lao động, sự tồn tại của đội quân thất nghiệp đông đảo, làm cho bọn tư bản có khả năng giảm bớt tiền lương của những công nhân đương làm việc trong sản xuất. Ngoài ra, điều kiện sinh hoạt của công nhân sở dĩ ngày càng sút kém còn là vì trong nhiều trường hợp, những người thất nghiệp trong gia đình phải sống dựa vào tiền lương của những người thân thuộc.

Đội quân lao động dự bị là người bạn đồng hành thường xuyên của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nó có tính chất kinh niên. Nếu năm 1929, trong 6 nước tư bản chủ yếu (Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý và Nhật) số người thất nghiệp là 4.200.000 người, thì hiện nay chỉ riêng nước Mỹ số người thất nghiệp hoàn toàn đã lên đến gần 5 triệu người. Ngoài ra, ở Mỹ còn có hơn 10 triệu người không làm việc đủ cả tuần.

Nạn thất nghiệp kinh niên là tai nạn dân tộc, là cảnh bi ai của hàng triệu người lao động ở Mỹ. Nạn thất nghiệp mang lại cho họ đói rét và thiếu thốn mọi bề. Không thể không cảm động khi đọc đến những tài liệu của hội nghị thất nghiệp họp ở Mỹ vào tháng 4 năm 1959. Ngay những lãnh tụ phản động của các công đoàn Mỹ cũng buộc phải thừa nhận rằng Mỹ đương trải qua một tai nạn dân tộc thực sự, đó là nạn thất nghiệp kinh niên đông đảo. Tại hội nghị các công đoàn sản xuất, Jooc Mi-ni, chủ tịch liên đoàn lao công Mỹ tuyên bố rằng: «... nạn thất nghiệp đông đảo đã trở thành một đe dọa ngày càng lớn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân nước ta. Nó là một mối đe dọa nghiêm trọng

không những đối với công nhân mất công ăn việc làm, mà còn đối với công nông nghiệp, vì công nông nghiệp, cuối cùng, sẽ mất thị trường». [1]

Tình hình thực tế bi đát của nước Mỹ đã thẳng tay bóc trần mọi bịa đặt của bọn kinh tế học tư sản và bọn tay sai xét lại của chúng về «phúc lợi chung» và sự «phồn vinh» của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nạn thất nghiệp kinh niên là một trong những đặc điểm nổi bật nhất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại ngày nay.

Tăng cường độ lao động có ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hạ thấp mức sống của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Ai cũng biết rằng, trình độ lao động khẩn trương quá mức trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, làm cho thể xác và thần kinh của người công nhân căng thẳng quá độ. Trong những điều kiện như vậy, muốn khôi phục lại năng lực lao động bình thường thì cần phải tăng lương một cách tương đương; cố nhiên không một nhà tư bản nào đồng ý việc đó. Trong điều kiện lao động ngày càng trở nên khẩn trương nhanh chóng thì dù tiền lương có được tăng lên phần nào (nếu như thực sự có tăng) cũng không đủ để đảm bảo tái sản xuất ra sức lao động một cách bình thường. Do đó, mức sống của công nhân ngày càng giảm bớt.

Khẩn trương hóa lao động là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tai nạn lao động, gây ra nhiều bệnh tật về hệ thần kinh và hệ thống tuần hoàn, gây tình trạng tàn phế quá sớm. Những sự thật đó, ngay thống kê tư sản cũng không thể che giấu được. Ở nước Cộng hòa liên bang Đức (Tây Đức), theo tài liệu của Bộ Lao động thì cứ trong số 1.000 người

---

1. Báo «Sự thật» (Liên-xô) số ra ngày 15-4-1959.

làm việc đầy đủ cả tuần, số tai nạn lao động năm 1952; là 90,8‰; năm 1953: 97,4‰; năm 1954: 102,95‰; năm 1955: 109,68‰. Do có bệnh tật nên cứ 100 người có bảo hiểm thì năm 1952 mất 1.103,8 ngày, nhưng năm 1955 mất đến 1.212,3 ngày, nghĩa là tăng lên 9,8%. Trong công nhân Tây Âu, 45,5% trường hợp tai nạn bị tàn phế, là do bệnh tật của hệ thống tuần hoàn.

Việc tăng cường độ lao động đối với giai cấp vô sản Mỹ, mang lại những hậu quả đặc biệt tai hại. Theo tài liệu của Cục thống kê lao động Mỹ, thì từ năm 1950 đến năm 1957, số người bị tai nạn lao động trong công nghiệp Mỹ là gần 15.800.000 công nhân. Do tai nạn lao động nên có 118 ngàn người bị chết, 640 ngàn người bị tàn phế. Đó là những tài liệu hoàn toàn không đầy đủ, nhưng nó là bản cáo trạng kết án chế độ bóc lột vô cùng tàn nhẫn đối với nhân dân lao động trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn hiện nay.

Sự bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động biểu hiện ở sự giảm sút tiền lương thực tế. Về vấn đề này thì những tài liệu về nước Anh mà nhà kinh tế học Đức I. U. Cu-sin-ski đưa ra, là những bằng chứng hết sức hùng hồn. Ông ta vạch ra rằng, Anh có xu hướng chung là hạ thấp tiền lương thực tế của công nhân. Từ đầu thế kỷ XX cho đến chiến tranh thế giới lần thứ hai, tiền lương thực tế của công nhân Anh thấp hơn mức năm 1901. Năm 1939 nó chỉ bằng 91,5% mức năm 1901. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tiền lương thực tế của giai cấp công nhân Anh cũng có xu hướng giảm sút hơn nữa. Sức mua của công nhân Anh giảm sút là một bằng cớ hùng hồn nhất chứng tỏ điều đó. Theo chỉ số giá sinh hoạt chính thức thì chi tiêu trung bình hàng năm để mua hàng tính theo đầu người, từ năm 1946 đến

năm 1953 không đạt mức trước chiến tranh, chỉ bằng 92 đến 97% mức năm 1938 (tính theo giá cả không thay đổi).

Những tài liệu sau đây nói lên giá sinh hoạt tăng lên không ngừng trong các nước tư bản chủ nghĩa: nếu lấy mức sinh hoạt tối thiểu ở Mỹ năm 1953 là 100 thì năm 1947 là 83 và năm 1956 là 102. Cũng trong những năm đó, giá sinh hoạt ở Anh từ 73 tăng lên đến 112, ở Tây Đức từ 81 tăng lên 103, ở Ý từ 81 tăng lên 111, ở Nhật từ 34 tăng lên 106.

Việc hạ thấp mức sống của nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, còn biểu hiện ở điều kiện ăn, ở v. v. ngày càng tồi tàn hơn. Cách đây không lâu, các tác giả bản báo cáo của Liên hợp quốc « Về tình hình xã hội trên thế giới » buộc phải thừa nhận rằng hơn 1/2 dân số các nước tư bản tiếp tục sống trong những điều kiện không đảm bảo cho họ tránh khỏi bệnh tật, không đảm bảo cho họ một chế độ ăn uống cần thiết cho sức khỏe, không đảm bảo cho họ có nhà ở hợp với những nhu cầu tối thiểu của con người.

Theo tài liệu của tờ báo hàng ngày của Pháp « Người quan sát nước Pháp » thì hiện nay, trong các nước tư bản, hàng năm có từ 30 đến 40 triệu người chết đói. Trong tạp chí đó vạch ra rằng ở Pa-ri (dân số 6, 9 triệu người) có 2 triệu người ăn không no, đó là công nhân, thợ thủ công và vô số các tầng lớp lao động khác.

Thậm chí ở nước tư bản giàu có nhất như nước Mỹ cũng có hàng triệu người sống trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn. Trong cuốn « Tình hình thực tế », do Tiểu ban dân tộc của Đảng dân chủ phát hành, có nói rằng: ở Mỹ có 15 triệu người sống trong những túp lều lụp xụp, 13 triệu nhà ở (1/4 tổng số nhà ở) không hợp với điều kiện nhà ở, 7 triệu nhà ở thành thị nói chung

không thích hợp cho việc ăn ở. Ngoài ra, nhân dân lao động phải trả tiền nhà rất cao. Thông thường, tiền thuê nhà chiếm 25 — 30% ngân sách gia đình công nhân.

Cuối cùng, khi nói đến sự bần cùng hóa tuyệt đối thì không phải chỉ chú ý đến quần chúng lao động trong nước đó. Bức tranh bần cùng hóa tuyệt đối chỉ có thể vẽ ra một cách đầy đủ nhất khi người ta chú ý đến mức sống của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trước đây Mác đã nhấn mạnh đến điều đó. Mác viết: «Nếu nói đến việc tăng lương thì cần phải thấy rằng: lương sở dĩ được tăng lên là nhờ có công nhân ở những nước khác sống không có bánh mì»[1].

Tất cả những tài liệu đó bác bỏ những điều bịa đặt của bọn xét lại và bọn cải lương về «xu hướng cải thiện không ngừng» mức sống vật chất của công nhân trong điều kiện thực tế của chủ nghĩa tư bản.

Giai cấp công nhân các nước tư bản phải tiến hành đấu tranh khốc liệt để cải thiện điều kiện sinh hoạt của mình. Bọn «phê phán» chủ nghĩa Mác — Lê-nin không thể nêu lên được một Nhà nước tư bản nào mà trong đó chính phủ thực sự quan tâm đến nhân dân. Chỉ có trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân mới trở thành mục đích trực tiếp của nền sản xuất.

Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc và khoa học, Mác chứng minh rằng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển một cách gián đoạn do có những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa chu kỳ. Tình hình thực tế đã hoàn toàn xác nhận tính chất đúng đắn của những kết luận khoa học đó của Mác. Nhưng bọn biện hộ hiện nay

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 5, tr. 541.

của chủ nghĩa tư bản lại tuyên bố học thuyết mác-xít về khủng hoảng kinh tế là đã « lỗi thời».

Bọn xét lại Nam-tư mưu đồ gieo rắc tư tưởng cho rằng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, có thể «giảm nhẹ và tạm thời kéo lùi khủng hoảng chu kỳ». Các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư cho Nhà nước tư sản là phương tiện vạn năng để «khống chế» khủng hoảng. Như vậy là các nhà « lý luận » Nam-tư coi thường những quy luật kinh tế khách quan hoạt động ngoài ý thức con người.

Ai cũng biết rằng, nguyên nhân căn bản gây ra khủng hoảng là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản tư nhân về kết quả sản xuất. Như vậy là tính tất yếu khách quan của khủng hoảng nằm ngay trong bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, chỉ có tiêu diệt chủ nghĩa tư bản mới có thể thủ tiêu hoàn toàn nạn khủng hoảng.

Song bọn phản mác-xít hiện nay, nhất là các tác giả của bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo, lại quả quyết rằng ngay trong điều kiện chế độ sở hữu tư bản tư nhân còn chiếm địa vị thống trị, vẫn có thể tránh khỏi khủng hoảng. Muốn thế — theo ý kiến của bọn họ — chỉ cần nâng cao mức sống của nhân dân lao động và tăng thêm sức mua của họ. Bọn cải lương Áo viết rằng: «Kinh nghiệm của nhiều năm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã cho thấy rằng chỉ có nâng cao nhanh chóng mức sống của quần chúng lao động thì mới có thể đảm bảo quản lý kinh tế mà không có khủng hoảng».

Jôn Cô-un, đảng viên Công đảng Anh, trong cuốn « Chủ nghĩa tư bản trong thế giới hiện đại » cũng mưu đồ bác bỏ nguyên lý của Mác về tính tất yếu của

khủng hoảng sản xuất thừa trong điều kiện tư bản chủ nghĩa. Theo ý kiến của y thì Mác «đã phạm phải sai lầm khi Mác cho rằng chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh đến điểm cao nhất và rơi vào vũng bùn mâu thuẫn biểu hiện ở những cuộc khủng hoảng kinh tế lắp đi lắp lại và ngày càng trở nên sâu sắc».

Bọn cải lương và bọn xét lại hiện đại quả quyết rằng: khủng hoảng kinh tế không còn là người bạn đồng hành thường xuyên của chủ nghĩa tư bản nữa, do đó chủ nghĩa tư bản ngày càng trở nên phồn vinh, trái với những điều dự kiến của Mác. Phải chăng lời khẳng định đó là đúng?

Thực tiễn, đời sống là tiêu chuẩn tốt nhất của chân lý. Toàn bộ quá trình phát triển của xã hội loài người đã hoàn toàn xác nhận học thuyết của Mác là đúng và đã đánh đổ mọi quan điểm tư sản cải lương, xét lại. Nhất là tình hình thực tế đã hoàn toàn chứng thực nguyên lý mác-xít về tính chất chu kỳ của khủng hoảng kinh tế dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Ai cũng biết rằng, sau cuộc khủng hoảng 1873, thế giới tư bản gặp phải những cuộc khủng hoảng: 1882, 1890, 1900—1903, 1907, 1920—1921, 1929—1933, 1937—1938; sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, ở Mỹ có những cuộc khủng hoảng: 1948—1949, 1953—1954.

Cuộc khủng hoảng 1929—1933 là cuộc khủng hoảng có sức tàn phá đặc biệt ghê gớm; đứng về trình độ sâu sắc và hậu quả của nó mà nói thì cuộc khủng hoảng đó vượt xa rất nhiều cuộc khủng hoảng 1873. Chỉ cần nêu ra những tài liệu sau đây là đủ chứng minh điều đó: ở Mỹ, việc khai thác than trong cuộc khủng hoảng 1873 giảm 9,1%, nhưng trong cuộc khủng hoảng 1929—1933 giảm xuống 40,9%, việc sản xuất gang trong cuộc khủng hoảng 1873 giảm 27%, nhưng trong cuộc khủng

hoảng 1929 — 1933 giảm 79,4%. Cuộc khủng hoảng 1929 — 1933 đã đẩy nước Mỹ lùi lại 28 năm về trước trong việc khai thác than, 36 năm về trước trong việc sản xuất gang, 31 năm về trước trong việc sản xuất thép v.v. Ở Anh, Đức và các nước tư bản khác cũng có những tình hình tương tự như vậy.

Quân sự hóa kinh tế chỉ có thể tạm thời cứu vớt chủ nghĩa tư bản tránh khỏi khủng hoảng nổ ra, nhưng về thực tế nó lại tạo thêm tiền đề cho những cuộc khủng hoảng mới. Tình hình của Mỹ trong thời gian vừa qua đã chứng minh điều đó. Từ nửa năm cuối của năm 1957, Mỹ bước vào một cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa mới. Ở Mỹ, sản xuất bị giảm sút nghiêm trọng. Trong vòng một năm rưỡi, từ tháng 9-1957 đến cuối tháng 2-1958, sản xuất công nghiệp của Mỹ giảm 11-12%. Trong 6 tháng đầu, cuộc khủng hoảng mới đó đã đẩy lùi nền kinh tế Mỹ quay lại mức 15 năm về trước, tức là quay lại mức năm 1943.

Những sự thật không thể chối cãi được đó, đã hoàn toàn bác bỏ «lý luận» của bọn biện hộ cho tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Những lực lượng bên trong của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất phát triển, thì hiện nay đã ngày càng yếu dần. Chủ nghĩa tư bản mưu đồ dựa vào những phương pháp nhân tạo, chủ yếu là chạy đua vũ trang để phát triển kinh tế. Nhưng, như kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, tác dụng của những yếu tố nhân tạo đó không thể ngăn ngừa được khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa nổ ra dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Dù bọn cải lương và xét lại có ra sức che đậy sự xấu xa căn bản đó của chế độ tư bản chủ nghĩa đi chăng nữa, rốt cuộc chúng cũng không sao đạt được kết quả.

Nếu nhìn đến những thành tích kinh tế vô cùng to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác thì

những âm mưu của chúng hòng tô son điểm phấn cho chủ nghĩa tư bản lại càng thảm hại hơn. Nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa không có khủng hoảng và tình trạng sản xuất đình đốn, nó phát triển với tốc độ nhanh chóng mà chủ nghĩa tư bản không thể có được.

Những luận điệu của bọn xét lại và cải lương về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, liệu có chút cơ sở nào không? Bất cứ người nào hiểu biết lý luận mác-xít cũng đều thấy rõ rằng những luận điệu tương tự như vậy là không có chút căn cứ nào cả. Ai cũng biết rằng, chính chủ nghĩa Mác — Lê-nin là chủ nghĩa đầu tiên đã đứng trên quan điểm khoa học để đánh giá «kỷ nguyên phát triển mới» của chủ nghĩa tư bản. Lê-nin đã xác định hiện tượng mới đó là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Thực chất của nó không phải là thay đổi bản chất của bản thân chủ nghĩa tư bản như bọn kinh tế học tư sản, bọn cải lương và xét lại thường nói, mà thực chất của nó là ở chỗ bộ máy Nhà nước phục tùng các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa, người ta dùng bộ máy Nhà nước để can thiệp vào kinh tế nhằm mục đích đảm bảo lợi nhuận lũng đoạn cao.

Lê-nin đã từng vạch ra rằng, chủ nghĩa đế quốc là sự kế tục và phát triển các thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn, nó không những không xóa bỏ mà trái lại làm tăng thêm tất cả các mâu thuẫn của chế độ tư sản. Đồng thời Lê-nin lại nhấn mạnh rằng, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, một số thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã trở thành cái đối lập với nó. Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn là ở chỗ lũng đoạn lớn từ tự do cạnh tranh, nhưng không thủ tiêu tự do cạnh tranh, mà là

tồn tại trên tự do cạnh tranh và bên cạnh tự do cạnh tranh, do đó đẻ ra những mâu thuẫn, xung đột, cọ xát đặc biệt gay gắt; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới có thể giải quyết được những mâu thuẫn đó.

Trong thời gian vừa qua, trong thế giới tư bản chủ nghĩa xảy ra những hiện tượng mới trong kinh tế cũng như trong chính trị. Tăng cường khuynh hướng lũng đoạn Nhà nước là một trong những hiện tượng đặc biệt nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Trong các nước tư bản chủ yếu, hiện nay chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước đã phát triển rất mạnh. Ví dụ ở Anh, tỷ lệ của Nhà nước chiếm 20,1% tổng số vốn đầu tư; ở Ý, tỷ lệ của Nhà nước chiếm 36,1% tổng số tư bản cổ phần; ở Tây Đức: 14%. Ở Mỹ, Nhà nước có những xí nghiệp như sau: xí nghiệp công nghiệp nguyên tử, xí nghiệp quân sự, các trạm thủy điện hạng lớn, các cơ quan tín dụng v.v.

Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ra đời là do quá trình tập trung và tích tụ tư bản diễn ra một cách khách quan. Quá trình đó dẫn đến sự ra đời của các tổ chức lũng đoạn kếch sù, bọn chúng khống chế những bộ phận kinh tế có tính chất quyết định của các nước tư bản. Chẳng hạn như ở Mỹ, 500 công ty công nghiệp kếch sù chiếm khoảng 1/2 sản lượng công nghiệp, 59% vốn của các công ty công nghiệp và 54% tổng số doanh số thương nghiệp; trong xí nghiệp của các công ty đó chiếm gần 50% tổng số công nhân công nghiệp trong nước. Ở Pháp, 100 tơ-rớt thống trị nền kinh tế trong nước, 11% công ty cổ phần chiếm 81% tổng số lợi nhuận; ở Tây Đức 10% công ty cổ phần chiếm hơn 81,7% tổng số tư bản cổ phần cố định. Một số ít công ty kếch sù chiếm địa vị thống trị trong nền kinh tế của mọi nước tư bản phát triển.

Những sự thay đổi trong kinh tế, trong hạ tầng cơ sở của xã hội, cố nhiên dẫn đến những sự thay đổi trong thượng tầng kiến trúc. Nếu như trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn, Nhà nước bảo vệ lợi ích của tất cả các nhà tư bản, thì trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Nhà nước tư sản về cơ bản đại biểu cho lợi ích của một nhóm nhỏ các tổ chức lũng đoạn. Các tổ chức lũng đoạn lợi dụng Nhà nước và bộ máy của nó để phục vụ cho mục đích tư lợi của mình. V. Péc-lô, nhà kinh tế học tiến bộ Mỹ, trong cuốn «Nước đế quốc của bọn trùm tài chính» xuất bản năm 1957 ở Nữu-ước, đã vạch trần sự phụ thuộc trực tiếp của bộ máy Nhà nước Mỹ vào một nhóm nhỏ các tổ chức lũng đoạn. Tác giả viết rằng: «Một sự thật không thể chối cãi được là chính phủ liên bang — về nhiều mặt — hoạt động với tư cách là một chi nhánh của bộ máy lãnh đạo tư nhân của tư bản kếch sù».

Vích-to Péc-lô đã dùng nhiều sự thật và tài liệu thống kê để chứng minh nguyên lý đó. Những sự thật và tài liệu thống kê đó vạch ra rằng bộ máy Nhà nước Mỹ đã hoàn toàn chuyển sang phục vụ cho tư bản lũng đoạn, đang áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo lợi nhuận lũng đoạn cao cho tư bản. Nhất là chính phủ đã vạch ra một chế độ ưu đãi, đặc quyền cho các tổ chức lũng đoạn kếch sù được miễn thuế hoàn toàn hay một phần.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, để phục vụ cho lợi ích của các tổ chức lũng đoạn kếch sù, chính phủ Mỹ đã thi hành chính sách bán lại các nhà máy mà chính phủ đã xây dựng trong thời gian chiến tranh. Trong đa số trường hợp, những nhà máy đó bán cho các tổ chức lũng đoạn kếch sù với giá cả thấp hơn giá thành rất nhiều. Ví dụ: «Công ty thép Mỹ» mua mộ

nhà máy luyện kim với giá 47 triệu 50 vạn đô-la, nhưng tiền xây dựng nhà máy đó là 202 triệu 50 vạn đô-la.

Chính phủ còn giúp đỡ rất nhiều cho các tổ chức lũng đoạn bằng cách xây dựng cái gọi là dự trữ vật liệu chiến lược sau chiến tranh, ra sức thúc đẩy các tổ chức lũng đoạn xâm nhập vào nước ngoài. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng Nhà nước tư sản hiện đại phục vụ cho các tổ chức lũng đoạn. Điều đặc biệt rõ ràng hơn cả là ngay trong thành phần của chính phủ Mỹ, số lượng con buôn kinh doanh ngày càng tăng.

Bọn xét lại hiện đại đánh giá những hiện tượng mới xảy ra trong tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản như thế nào?

Họ nhận thấy một sự thật là trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản đương xảy ra những quá trình mới. Nhưng khi đi đến những kết luận rút ra từ sự phân tích các quá trình xảy ra một cách khách quan trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thì bọn xét lại hiện đại hoàn toàn xa rời chủ nghĩa Mác — Lê-nin và rơi vào lập trường của bọn xã hội phái hữu.

Trên thực tế, cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư thậm chí không đả động gì đến danh từ «chủ nghĩa tư bản Nhà nước lũng đoạn». Các tác giả của bản cương lĩnh thay thế danh từ đó bằng danh từ «chủ nghĩa tư bản Nhà nước», mặc dù danh từ mác-xít — lê-nin-nít đó nói lên bản chất sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nhưng phải chăng đó chỉ là trò đùa giễu cợt về thay đổi danh từ? Rõ ràng là ở đây, vấn đề không phải giản đơn như khi ta mới nhìn sơ qua. Ai cũng biết rằng, chủ nghĩa tư bản Nhà nước là một trong những thành phần kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa đương quá độ từ chủ nghĩa tư

bản sang chủ nghĩa xã hội. Và nếu thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản Nhà nước có thể tồn tại cả trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, thì có thể đi đến kết luận rằng: giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản không có một hố sâu ngăn cách nào mà không thể vượt qua được, rằng chủ nghĩa tư bản trải qua nhiều thay đổi, dần dần có thể lớn lên thành chủ nghĩa xã hội. Chính các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã đi đến kết luận như vậy.

Nhưng dù bọn xét lại hiện đại có ra sức tô son điểm phấn cho chủ nghĩa tư bản hiện đại đi nữa thì chúng vẫn khó lòng che đậy được những điều xấu xa của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản là một chế độ đã lỗi thời. Nó là một chế độ xã hội mà từ lâu đã mất hết mọi khả năng tiến bộ. Do có sự tác động của một số nhân tố tạm thời (quân sự hóa kinh tế, gây ra những vụ xung đột quân sự, v.v.) nên chủ nghĩa tư bản, rong một thời gian ngắn, có thể phát triển kinh tế trong một chừng mực nhất định. Nhưng tất cả những điều đó chỉ nói lên sự giẫy giụa trước giờ chết của một cơ thể tàn lụi. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, các lực lượng bên trong của thế giới cũ đã bị lung lay rất mạnh, do sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, do sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ yếu ngày càng trở nên sâu sắc.

Và ngược lại, chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn mạnh và củng cố, ngày càng có sức sống mới. Sức sống của chủ nghĩa xã hội và những điểm ưu việt căn bản của nó so với chủ nghĩa tư bản đã được chứng minh bằng toàn bộ quá trình phát triển lịch sử. Kế hoạch 7 năm 1959—1965 phát triển kinh tế của Liên-xô, là một bằng chứng mới nói lên tính bất khả chiến thắng của chế độ

xã hội xã hội chủ nghĩa và sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Hoàn thành kế hoạch đó, sẽ là một đòn chí tử giáng vào tất cả các thứ « lý luận » tư sản cải lương và xét lại ra sức che đậy mọi ung nhọt và mâu thuẫn không thể điều hòa của chế độ tư bản chủ nghĩa.

III. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xét lại hiện đại tấn công ác liệt vào chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội, phần này nghiên cứu quan hệ sản xuất của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Và sự « phê phán » đó không phải là một điều ngẫu nhiên : bọn phản mác-xít ra sức bôi nhọ chế độ xã hội mới mà từ lâu đã chứng minh cho nhân loại thấy rõ những điểm ưu việt căn bản của mình so với chủ nghĩa tư bản. Là tay sai của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân, bọn xét lại ra sức kìm hãm quá trình phát triển tất yếu của lịch sử mà nội dung cơ bản của nó trong thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội, thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại là : thứ nhất, phủ nhận tính tất yếu của việc dùng cách mạng để cải tạo chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội; thứ hai, xuyên tạc bản chất của kinh tế xã hội chủ nghĩa và các quy luật kinh tế khách quan của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc tính chất của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và vai trò kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Như trên kia đã nói: bọn phản mác-xít ra sức tô son điểm phấn cho chế độ tư bản chủ nghĩa, gán cho nó tính chất «nhân dân». Bọn xét lại đã đánh giá một cách sai lệch thực chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, và sự đánh giá đó là cơ sở của những quan điểm của chúng về sự quá độ sang chủ nghĩa xã hội. Bọn xét lại khẳng định rằng trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có những «nhân tố xã hội chủ nghĩa đương chín muồi», như vậy là bọn xét lại đã tuyên truyền cho sự quá độ hòa bình, tiến hóa từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Sự đánh giá như thế về tiền đồ của bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội, chẳng qua là tái bản lại (có sửa chữa đôi chút) lý luận cải lương «chủ nghĩa tư bản lớn lên và đi vào chủ nghĩa xã hội một cách hòa bình».

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng, bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội có muôn hình muôn vẻ, nhưng về thực chất, đó phải là một quá trình cách mạng tiêu diệt chế độ tư sản và thay thế nó bằng một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Mác đã vạch ra rằng: «Nhà nước của thời kỳ đó không thể là cái gì khác ngoài chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản».[1]

Vấn đề chính quyền là vấn đề căn bản của mọi cuộc cách mạng. Nhưng như thế không có nghĩa là giai cấp vô sản chỉ hạn chế ở chỗ nắm chính quyền. Nắm chính quyền chỉ mới là bắt đầu cách mạng. Điều chủ yếu là đập tan hoàn toàn sự phản kháng của những giai cấp bóc lột đã bị cách mạng đánh đổ, tổ chức phòng thủ đất nước, xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đoàn kết tất cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản và tiến hành công tác theo phương hướng đi đến

---

1. Mác-Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tiếng Nga, 1955, t. 2, tr. 23.

một xã hội không có giai cấp. Tất cả những nhiệm vụ đó, chỉ có chuyên chính vô sản mới làm được.

Chuyên chính vô sản, tức quyền lực chính trị của giai cấp công nhân, là điều kiện cơ bản để xây dựng xã hội mới không những trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, mà cả trong thời kỳ chuyển dần từ giai đoạn thấp sang giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. Chân lý phổ biến đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chứng minh.

Học thuyết chuyên chính vô sản là điểm chủ yếu trong chủ nghĩa Mác. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà bọn cơ hội hữu khuynh hiện nay tập trung hỏa lực chủ yếu vào nguyên lý cơ bản đó của lý luận Mác — Lê-nin, công khai chống lại chuyên chính vô sản. Chẳng hạn như Ghi Ca-rông, một trong những phần tử xét lại ở Ca-na-đa, quả quyết rằng «chuyên chính vô sản — theo quan điểm của những người Ca-na-đa — là một hiện tượng ngoại lai và không dân chủ ». Gây-xơ, nguyên là đảng viên cộng sản Mỹ, cũng truyền bá những quan điểm phản mác-xít tương tự như vậy. Gây-xơ viết rằng: học thuyết của Lê-nin về chuyên chính vô sản là « triết học xã hội chủ nghĩa thuần túy Nga », vì vậy nó không thích hợp với điều kiện của nước Mỹ.

Gây-xơ và bè lũ của y khẳng định rằng cần phải thay thế chủ nghĩa Lê-nin bằng một «học thuyết mới ». Những nguyên lý cơ bản của cái gọi là học thuyết mới đó chỉ là tuyên truyền con đường quá độ hòa bình, tiến hóa sang chủ nghĩa xã hội mà không cần có chuyên chính vô sản. Bọn cơ hội phái hữu Mỹ chứng minh rằng hiện nay ở Mỹ đã bắt đầu quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, rằng trong lòng chủ nghĩa tư

bản đang chín muồi thành phần xã hội chủ nghĩa. Bọn chúng lại nói rằng: vì đấu tranh giai cấp ở Mỹ đương dần dần mất đi, cho nên bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội ở Mỹ sẽ được thực hiện dần dần, nghĩa là bằng cách chủ nghĩa tư bản dần dần lớn lên thành chủ nghĩa xã hội. Ai cũng thấy rằng, những luận điệu giả danh xã hội chủ nghĩa đó của Gây-xơ, một đảng viên «cộng sản» cũ, và bè lũ của y chẳng khác gì những lời tuyên truyền của Cô-un (đảng viên Công đảng phái hữu) và của Bê-nê-đích Cau-ski (nhà «mác-xít» người Áo). Hơn nữa, về mức độ trắng trợn công khai thì bọn chúng còn hơn cả Cô-un và Bê-nê-đích.

Lý luận xét lại về «chủ nghĩa tư bản lớn lên và đi vào chủ nghĩa xã hội một cách hòa bình» được nhóm Xôn-béc, Smít và những tên xét lại khác tuyên truyền mạnh mẽ cả ở trong Đảng công nhân tiến bộ Ca-na-đa. Cũng như tất cả những bọn cơ hội khác, bọn xét lại Ca-na-đa vin vào những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản để quả quyết rằng: trong điều kiện của Ca-na-đa, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nhà tư bản ngày càng dịu đi. Do đó, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Ca-na-đa sẽ được thực hiện dần dần, không cần chuyên chính vô sản.

Bọn xét lại Ca-na-đa phủ nhận các quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đem những đặc điểm dân tộc đối lập với các quy luật ấy, tuyên truyền cái gọi là «con đường xã hội chủ nghĩa của Ca-na-đa». Trước hết bọn chúng dùng chiến thuật lừa gạt những đảng viên và công nhân thường. Bọn xét lại tuyên bố rằng bọn chúng chỉ muốn thực hiện một sự thí nghiệm vô thưởng vô phạt: «bỏ chữ «chuyên chính», vì người Ca-na-đa chống lại nó». Nhưng chẳng bao lâu thấy rõ rằng bọn xét lại không phải chỉ chống lại chữ «chuyên

chính». Bọn chúng mưu đồ đánh đổ nguyên lý của Lê-nin về tính tất yếu của chuyên chính vô sản, điều kiện chủ yếu để quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Bọn xét lại, thậm chí không dùng danh từ «giai cấp công nhân» nữa và thay thế danh từ đó bằng chữ «người Ca-na-đa», làm như vậy là để nêu lên tính chất đồng nhất của tất cả mọi tầng lớp xã hội trong nước.

«Lý luận» xét lại nói rằng: sự phát triển của kỹ thuật và tự động hóa trong điều kiện chủ nghĩa tư bản hiện đại, không tránh khỏi làm tăng thêm vai trò của giai cấp công nhân, «biến giai cấp công nhân thành người bá quyền lãnh đạo phương thức sản xuất», thành lực lượng sản xuất có tính chất quyết định, lực lượng này phải «hòa hợp với sự tiến bộ của kỹ thuật», — lý luận đó là một mối nguy lớn đối với phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

Những «tư tưởng» tương tự như vậy được An-tô-ni-ô Jô-li-ti (một trong những tên phản bội ở Ý) ra sức tuyên truyền. Những tư tưởng đó được phản ánh đầy đủ nhất trong cuốn sách của y «Cải cách và cách mạng» xuất bản năm 1957. Jô-li-ti quả quyết rằng chuyên chính vô sản không thích hợp với điều kiện của nước Ý. Theo ý kiến của y thì chuyên chính vô sản, trong một chừng mực nhất định, chỉ có thể thích hợp với những nước kinh tế lạc hậu. Còn như nước Ý và các nước tư bản phát triển khác thì chuyên chính vô sản phải được thay thế bằng cái gọi là bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Làm trò ảo thuật về những danh từ mác-xít «chuyên chính vô sản» và «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản», cũng như xuyên tạc ý nghĩa chân chính của những danh từ ấy, Jô-li-ti đề ra cái gọi là «lý luận» thay thế chuyên chính vô sản bằng bá

quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Vậy thì Jô-li-ti hiểu thực chất của danh từ «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» như thế nào? Theo ý kiến của y thì cái gọi là «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» có nghĩa là giai cấp công nhân «nhận thức» được địa vị của mình là «lực lượng sản xuất cơ bản» trong xã hội, gánh lấy trách nhiệm lãnh đạo toàn bộ quá trình sản xuất và phát huy sáng kiến trong cuộc đấu tranh cho sự tiến bộ kỹ thuật. Do đó, «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» có nghĩa là giai cấp công nhân, trong điều kiện thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, phải chiếm lấy «vị trí bá quyền lãnh đạo trong phương thức sản xuất». Chiếm được những địa vị có tính chất quyết định trong lĩnh vực sản xuất, như thế là giai cấp công nhân tạo được điều kiện để «giành lấy quyền lực chính trị» bằng con đường cải cách. Đó là kết luận cơ bản